Ngày soạn: …./…./……..

**BÀI 3:**

**KHAO KHÁT ĐOÀN TỤ**

**(TRUYỆN THƠ)**

Thời gian thực hiện: 11 tiết

(Đọc: 5,5 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 02 tiết, Ôn tập: 0,5 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ,…

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung truyện thơ.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản truyện thơ.

- Phân tích được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát); nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.

- Biết giới thiệu một tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.

- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

**2. Về năng lực:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết, bài nói của bạn.

- Năng lực đặc thù: Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể về đọc, viết, nói, nghe.

**3. Về phẩm chất**:

- Biết trân trọng tình cảm và sự đoàn tụ gia đình.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**ĐỌC VĂN BẢN 1: LỜI TIỄN DẶN (2,5 tiết)**

**(Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ,…

- Phân tích được nỗi xót thương của chàng trai, nỗi đau khổ tuyệt vọng của cô gái và khát vọng hạnh phúc, tình yêu chung thủy của đôi trai gái.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản (sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình, cách diễn tả tâm trạng nhân vật).

**2. Năng lực:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Phẩm chất:** Biết yêu thương và trân trọng tình cảm và sự đoàn tụ gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, video...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**ĐỌC VĂN BẢN 1: LỜI TIỄN DẶN(2,5 tiết)**

**(Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

* **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Câu hỏi:** Em đã học về truyện thơ Nôm ở lớp 9. Theo em, khi đọc một truyện thơ, chúng ta cần chú ý điều gì?  GV cho HS xem video clip bài “Thanh âm miền núi”.Tác giả Double 2T theo đường link sau:  https://www.youtube.com/watch?v=wvCRry\_VIxw&t=732s  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS nghe GV yêu cầu, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Dân tộc Thái luôn tự hào cho rằng: “Hát Tiễn dặn lên, gà ấp phải bỏ ổ, cô gái quên hái rau, chàng trai đi cày quên cày,.. Tại sao truyện thơ này lại làm say mê lòng người nh­ư vậy? Để tìm được câu trả lời chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu đoạn trích *Lời tiễn dặn.* | - HS chia sẻ những điều cần chú ý khi đọc một truyện thơ  + Những yếu tố về hình thức: Số đoạn (khổ thơ), số dòng thơ trong mỗi đoạn (khổ), số từ trong mỗi dòng thơ; cách gieo vần trong bài thơ (vần chân, vần lưng…)  + Những yếu tố về nội dung: Yếu tố miêu tả; Yếu tố tự sự; Ngôn ngữ thơ…  - HS nghe và xem video clip “Thanh âm miền núi”. |

* **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết và hiểu được một số yếu tố quan trọng của truyện thơ: khái niệm, cốt truyện, nhân vật chính, ngôn ngữ.

**b. Nội dung:** HS quan sát, chắt lọc thông tin trong SGK để trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm học tập**  GV phát PHT số 1, yêu cầu HS hoàn thành PHT.  ***Phiếu học tập số 1: Điền vào sau dấu (…) những thông tin thích hợp:***  ***1. Khái niệm về truyện thơ dân gian…***  ***2. Cốt truyện trong truyện thơ dân gian…***  ***…………………….***  ***………………………………………….***  ***3. Nhân vật chính trong truyện thơ dân gian…***  ***…………….***  ***………………………………………….***  ***4. Ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian...***  ***…………….***  ***………………………………………….***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị.  + Dự kiến khó khăn: Học sinh chưa đọc phần *Tri thức ngữ văn*, gặp khó khăn trong việc tổng hợp  + Tháo gỡ khó khăn: Câu hỏi gợi mở để HS trả lời; gọi HS khác giúp đỡ bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | ***1. Khái niệm***  ***2. Cốt truyện trong truyện thơ dân gian***  ***3. Nhân vật chính trong truyện thơ dân gian***  ***4. Ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian*** |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN – LỜI TIỄN DẶN**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được những nét cơ bản về tác phẩm, đoạn trích.

**b. Nội dung:** HS quan sát, chắt lọc thông tin trong SGK để trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm học tập**  **GV nêu câu hỏi:** Hãy nêu những nét khái quát về truyện thơ “Tiễn dặn người yêu” và đoạn trích “Lời tiễn dặn”.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác phẩm**  **- “**Tiễn dặn người yêu” (Xống chụ xon xao) là truyện thơ nổi tiếng của dân tộc Thái.  - Truyện thơ này gồm 1846 câu thơ, là lời nhân vật trong cuộc kể lại câu chuyện tình yêu – hôn nhân của vợ chồng mình.  **2. Đoạn trích:** gồm 2 lời tiễn dặn  + Lời 1 (Guẩy gánh qua đồng… thẳng tới tận nhà): lời dặn dò của chàng trai khi tiễn cô gái về nhà chồng.  + Lời 2 *(Dậy đi em, dậy đi em ơi!..* cho đến hết đoạn trích*)*: lời khẳng định mối tình tha thiết, bền chặt của anh khi chứng kiến cảnh cô bị chồng hắt hủi, hành hạ. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được các đặc trưng của truyện thơ trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Lời tiễn dặn.*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẦM** |
| Giáo viên chia lớp thành 2 nhóm, phát PHT để HS tìm hiểu về văn bản. HS theo dõi câu hỏi, thảo luận nhóm và trả lời trong PHT.  PHT số 2: Thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi sau  1. Xác định đề tài chính của văn bản *Lời tiễn dặn*.  2. Tóm tắt cốt truyện của văn bản *Lời tiễn dặn.*  3. Lời “tiễn dặn” được thuật lại theo ngôi kể nào? Vì sao em biết?  4. *-* Lời “tiễn dặn” giúp bạn hiểu biết gì về nhân vật chàng trai và cô gái? Qua đó, hãy nhận xét cách xây dựng nhân vật trong truyện thơ dân gian.  5. Cho biết cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả trong văn bản *Lời tiễn dặn.*  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  HS theo dõi câu hỏi trong PHT, thảo luận nhóm và trả lời.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 1 HS đại diện các nhóm trình bày kết quả  - Học sinh nhóm khác đánh giá qua bảng kiểm   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Có** | **Không** | | ***Nội dung*** | Trả lời đầy đủ các câu hỏi |  |  | | Nội dung thuyết trình tốt |  |  | | ***Hình thức*** | Bố cục hợp lý, rõ ràng, dễ theo dõi |  |  | | Chữ đúng chính tả, văn phạm, kích thước chữ dễ nhìn |  |  | | Trình bày đẹp, hấp dẫn |  |  | | ***Cách thuyết trình*** | Phong cách thuyết trình tự tin, linh hoạt, năng động, cuốn hút |  |  | | Nắm vững nội dung thuyết trình, tập trung làm sang tỏ vấn đề |  |  |   **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **II. Khám phá văn bản**  ***1.* Đề tài:** tình yêu, hôn nhân.  ***2.* Cốt truyện:**  + Chàng trai và cô gái là hai người yêu nhau thắm thiết; nhưng bị gia đình ngắn cản.  + Chàng trai nhà nghèo không được gia đình cô gái chấp nhận, phải đi làm ăn xa, lúc trở về thì đã quá muộn.  + Cô gái – con của nhà giàu có, bị cha mẹ ép hôn, sống không hạnh phúc.  + Sau nhiều khó khăn, thử thách hai người cũng đến được với nhau.  => đơn giản, không sử dụng yếu tố kì ảo, xoay quanh số phận của  ***3. Ngôi kể:***  - Lời tiễn dặn được thuật lại theo ngôi kể thứ nhất.  - Vì:  + Tác giả trực tiếp kể lại những gì đã chứng kiến, đã trải qua để thể hiện suy nghĩ tình cảm của mình.  + Thông qua các từ ngữ “đôi ta”, “người anh yêu”, “ta”…  => Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất đã làm tăng tính thuyết phục, tính truyền cảm cho lời dặn dò và lời khảng định mối tình chung thủy, tha thiết của chàng trai.  ***4. Nhân vật:***  **a. Hành động, tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng** – Vừa đi vừa ngoảnh lại, vừa đi vừa ngóng trông. => dùng dằng, chùng chình, nấn ná, không muốn rời xa người mình yêu. – Cô gái cũng muốn níu kéo cho dài ra những giây phút được ở bên người yêu: đầu “ngoảnh lại”, mắt “ngoái trông”, chân bước càng xa thì lòng càng đau. Mỗi lần đi qua một cánh rừng cô gái đều coi là cái cớ để dừng lại chờ người yêu, lòng đầy khắc khoải. Hình tượng : Lá ớt,lá cà ,lá ngón tượng trưng cho những điều không may mắn =>Con đường về nhà chồng => trở thành con đường khắc khoải, ngóng trông tình xưa, người cũ. **b. Lời dặn dò của chàng trai khi tiễn cô gái về nhà chồng.**  – Gọi cô gái “người đẹp anh yêu” -> tình yêu trong chàng vẫn còn thắm thiết. – Mong muốn “được nhủ đôi câu”, “được dặn đôi lời”, được “kề vóc mảnh”, được “ủ hương người” -> quyến luyến, thể hiện tình cảm sâu đậm, mãnh liệt, thủy chung. – Cử chỉ: “con nhỏ hãy đưa anh ẵm/ bé xinh hãy đưa anh bồng” -> ân cần, chu đáo, vị tha, cao thượng. – Lời thề son sắt, thủy chung: “Không lấy được nhau mùa hạ ta sẽ lấy nhau mùa đông/ không lấy được nhau thời trẻ, ta sẽ lấy nhau khi góa bụa về già”.  -> Thể hiện tình yêu tha thiết, cao thượng. **c. Lời khẳng định mối tình tha thiết, bền chặt của anh khi chứng kiến cảnh cô bị chồng hắt hủi, hành hạ.**  - Hoàn cảnh của cô gái: đau khổ, bị đánh đập, hành hạ, bị nhà chồng hắt hủi.  - Hành động của chàng trai:.+ Ân cần chăm sóc: “Đầu bù anh chải cho/ tóc rối đưa anh búi hộ”, “tơ rối ta cùng gỡ”. + Lời lay gọi ấm áp, chân tình: “Dậy đi em, dậy đi em ơi! Dậy rũ áo kẻo bọ! Dậy phủi áo kẻo lấm”  + Lời khảng định tình yêu bền chặt ngay cả khi chết đi (Chết thành sông…song song, *tình Lú - Ủa, bán trâu, thu lúa, vàng, đá, gỗ cứng đời gió*)  -> Nỗi đau của cô gái như được xoa dịu bởi một tấm lòng bao dung, độ lượng.  -> Thể hiện tình yêu tha thiết, bền chặt, không có gì có thể làm thay đổi được.  => Qua câu chuyện, ta thấy cách xây dựng nhân vật trong truyện thơ dân gian:  + Thường là những người có số phận bất hạnh.  + Phải trải qua mô hình: Gặp gỡ - Tai biến – Đoàn tụ  ***5. Ngôn ngữ***  Ngắn gọn, hàm súc, đậm màu sắc ngôn ngữ dân tộc Thái (Đại từ nhân xưng "người đẹp anh yêu", "anh yêu em", "đôi ta yêu nhau" ; các hô ngữ, mệnh lệnh thức "xin hãy", "dậy đi em", "hỡi gốc dưa yêu",… -> tăng tính trữ tình). |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Nhận xét và đánh giá được những đặc sắc về giá trị nội dung và nghệ thuật củavăn bản.

**b. Nội dung:** HS xâu chuỗi các kiến thức đã học ở trên thảo luận, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn  - Hãy nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản *Lời tiễn dặn*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe GV yêu cầu, thảo luận và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Đoạn trích thể hiện tâm trạng của chàng trai, cô gái ; tố cáo tập tục hôn nhân ngày xưa, đồng thời là tiếng nói chứa chan tình cảm nhân đạo, đòi quyền yêu đương cho con người  **2. Nghệ thuật**  - Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh thể hiện đặc trưng, gần gũi với đồng bào Thái.  - Cách miêu tả tâm trạng nhân vật chi tiết, cụ thể qua lời nói đầy cảm động, qua hành động săn sóc ân cần, qua suy nghĩ, cảm xúc mãnh liệt.  - Sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình. |

* **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản “*Lời tiễn dặn”*  đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra được các phương án đúng theo nội dung đã học của văn bản “*Lời tiễn dặn”*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đưa câu hỏi trắc nghiệm (từ 3-5 câu) yêu cầu học trả lời nhanh**  **Câu hỏi 1:**Chàng trai và cô gái trong Tiễn dặn người yêu nhận ra nhau qua kỉ vật nào?  a. Đàn môi                       b. Sáo  c. Khăn tay                       d. Khèn  **Câu hỏi 2:**Tác phẩm nào sau đây không phải là sử thi  a. Đăm săn b. Ramayana  c. Tiễn dặn người yêu d. Đẻ đất đẻ nước.  **Câu hỏi 3: Tình yêu của chàng trai và cô gái trong Tiễn dặn người yêu tan vỡ là vì:**  a. Chàng trai phụ bạc  b. Cô gái có người yêu khác giàu có hơn  c. Cha mẹ chàng trai không chấp nhận  d. Cha mẹ cô gái chê chàng trai nghèo, gả con cho người giàu có  **Câu hỏi 4: Bị từ chối hôn nhau, chàng trai quyết chí đi buôn để trở về giành lại người yêu. Chàng đã trao kỷ vật làm tin cho cô gái, đó là:**  a. Chiếc khăn b. Chiếc vòng bạc  c. Chiếc khèn d. Chiếc đàn môi  **Câu hỏi 5: Trong Tiễn dặn người yêu, sau bao nhiêu đọa đày, cô gái đã bị nhà chồng đem ra chợ bán rao. Người ta đã đổi cô để lấy:**  a. Vàng thoi b. Bạc nén  c. Một cuộn lá dong d. Một nắm lá ngón  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe GV yêu cầu, suy nghĩ và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Đáp án:**  [1]='a'  [2]='c'  [3]='d'  [4]='c'  [5]='b' |

* **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài “*Lời tiễn dặn”* để viết đoạn văn khoảng 150 chữ.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS viết đoạn văn nghị luận xã hội.

**c. Sản phẩm học tập:** bài làm tại lớp của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS viết 1 đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ của em về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của thế hệ trẻ ngày nay.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động**  GV nhận xét, đánh giá và cho điểm. | **Gợi ý:**  **1. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của thế hệ trẻ ngày nay.  **2. Thân bài**  a. Giải thích  b. Tầm quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc  c. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc  **3. Kết bài**  Khẳng định lại tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của thế hệ trẻ ngày nay; đồng thời rút ra bài học cho bản thân.  **Bài tham khảo**  Đất nước Việt Nam ta bao đời nay được biết đến là một quốc gia có lịch sử lâu đời với nhiều bản sắc văn hóa dân tộc độc đáo. Là công dân của đất nước, chúng ta cần có ý thức và trách nhiệm giữ gìn những bản sắc đó. Bản sắc văn hóa dân tộc: là những nét văn hóa từ lâu đời của dân tộc được truyền từ đời này sang đời khác đã trở thành những phong tục tập quán, những đặc trưng vùng miền của cả đất nước ta. Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị tạo nên sự khác biệt của mỗi quốc gia, sự phong phú trong lối sống, sinh hoạt tập thể của con người và tạo nên sự đa dạng màu sắc cho cuộc sống. Trách nhiệm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của giới trẻ là việc giới trẻ tìm hiểu, có vốn kiến thức về văn hóa của dân tộc, đất nước mình, từ đó có ý thức giữ gìn, quảng bá nét đẹp đó ra rộng rãi hơn. Trong vô vàn những quốc gia tồn tại bình đẳng với bức tranh đa dạng và muôn màu sắc, bản sắc chính là một trong những yếu tố làm nên đặc trưng riêng, không thể hòa lẫn, hợp nhất giữa các đất nước. Bản sắc văn hóa có ý nghĩa vô cùng sâu sắc đối với mỗi một quốc gia, dân tộc. Trước hết, bản sắc chính là cái gốc, cái hồn cốt lõi khẳng định sự tồn tại của mỗi một quốc gia, dân tộc. Không chỉ dừng lại ở đó, bản sắc còn là cái nôi nuôi dưỡng ý thức về quyền độc lập và ý thức gìn giữ non sông, đất nước đối với mỗi một con người. Những người học sinh chúng ta là chủ nhân tương lai của đất nước, chúng ta cần phải tìm hiểu và có vốn kiến thức nhất định về bản sắc văn hóa dân tộc của đất nước mình. Bên cạnh đó, tích cực quảng bá những nét đẹp văn hóa đó đến với bạn bè năm châu để mọi người được biết đến. Mỗi người một hành động nhỏ cùng chung tay bảo vệ, giữ gìn bản sắc một chút thì đất nước ngày càng phát triển tốt đẹp hơn. |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập bài “*Lời tiễn dặn”* .

+ Soạn bài: *“Tú Uyên gặp Giáng Kiều”* – Vũ Quốc Trân.

Ngày soạn:

**BÀI 3: KHAO KHÁT ĐOÀN TỤ**

**(TRUYỆN THƠ)**

**Tiết …. - VĂN BẢN 2: TÚ UYÊN GẶP GIÁNG KIỀU**

**(Trích Bích Câu kì ngộ - Vũ Quốc Trân)**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ… qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm: nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung truyện thơ qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB truyện thơ qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

\* Năng lực đặc thù

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ… qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm: nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung truyện thơ qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB truyện thơ qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

**3. Về phẩm chất**: Biết trân trọng tình cảm và sự đoàn tụ gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

a. Đối với giáo viên

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

b.Đối với học sinh

- SGK, SBT Ngữ văn 11.

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**2. Học liệu:**

+ <https://hocmai.vn/kho-tai-lieu/list.php?type=category&category=218&page=1>

+ https://tailieugiaovien.edu.vn/subject\_lesson/van-11/

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:** Trình bày đặc trưng của truyện thơ Nôm?

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ cảm nhận cá nhân: Theo bạn, thế nào là “người đẹp trong tranh” hay “người đẹp như tranh”? Hãy thử chia sẻ tưởng tượng của bạn về hình ảnh người đẹp bước ra từ một bức tranh.

**c. Sản phẩm:** Những chia sẻ của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS: Theo bạn, thế nào là “người đẹp trong tranh” hay “người đẹp như tranh”? Hãy thử chia sẻ tưởng tượng của bạn về hình ảnh người đẹp bước ra từ một bức tranh.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.  - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV dẫn dắt vào bài học mới: Truyện thơ Nôm là một hiện tượng văn học độc đáo của dân tộc. Hiếm có sản phẩm nghệ thuật (ngôn từ) nào lại có thể thâu kết vào mình nhiều đặc điểm, tính chất của các thể loại, kiểu dạng văn học đến vậy. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cũng đi tìm hiểu văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều để thấy được những nét đặc sắc ấy của truyện thơ Nôm. | - Gợi mở:  + “Người đẹp trong tranh” hay “người đẹp như tranh” là ngụ ý chỉ một vẻ đẹp toàn bích, không tì vết, đẹp đến từng đường nét và góc cạnh, đôi khi lung linh, huyền diệu khiến người nhìn mê đắm không rời. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả Vũ Quốc Trân và tác phẩm *Tú Uyên gặp Giáng Kiều.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - Vũ Quốc Trân (? - ?)  - Quê: người làng Đan Loan, huyện [Bình Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_Giang), tỉnh ([Hải Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_D%C6%B0%C6%A1ng)); nhưng sống ở phường Đại Lợi (một phần phố Hàng Đào thuộc [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i) ngày nay) vào khoảng giữa [thế kỷ 19](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19).  2. ***Tác phẩm***  - Bích Câu kỳ ngộ nguyên là một tiểu thuyết bằng chữ Hán, trích Tiễn dặn người yêu – Xống chụ xon xao, NXB Văn học, Hà Nội, năm 1973. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**  Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm, các chi tiết, nhân vật, đề tài và mối quan hệ giữa chúng; nhận biết và hiểu được thông điệp của tác giả qua văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều và chuẩn kiến thức GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu cốt truyện và chi tiết của văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chia HS cả lớp thành 3 nhóm, phân công nhóm trưởng, thư ký vào giao dụng cụ là bút và giấy khổ lớn cho mỗi nhóm.  - Từng thành viên sẽ viết ý kiến của mình vào góc của tờ giấy.  - Nhóm trưởng và thư ký sẽ tổng hợp các ý kiến và lựa chọn các ý kiến quan trọng viết vào giữa tờ giấy.  Lưu ý: mỗi thành viên làm việc tại góc riêng của mình.  - GV yêu cầu HS đọc văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều và trả lời câu hỏi:  - Nhóm 1: Dựa vào tóm tắt cho biết cốt truyện của “Bích Câu kì ngộ” được xây dựng theo mô hình nào? Tìm những chi tiết trong văn bản “Tú Uyên gặp Giáng Kiều” ứng với từng phần của mô hình đó và cho biết chi tiết có vai trò như thế nào trong việc thể hiện nội dung văn bản.  - Nhóm 2: Phân tích đặc điểm của nhân vật Tú Uyên và Giáng Kiều được thể hiện trong đoạn trích.  - Nhóm 3: Dấu hiệu nào trong đoạn trích “Tú Uyên gặp Giáng Kiều” cho thấy đây là truyện thơ Nôm bác học? Thông điệp nào mà tác giả muốn gửi gắm tới người đọc?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận**- GV mời 1 - 2 HS đại diện các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:** Nhân vật trong văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều và trả lời câu hỏi:  Phân tích đặc điểm của nhân vật Tú Uyên và Giáng Kiều được thể hiện trong đoạn trích.  - Nhóm 3: Dấu hiệu nào trong đoạn trích “Tú Uyên gặp Giáng Kiều” cho thấy đây là truyện thơ Nôm bác học? Thông điệp nào mà tác giả muốn gửi gắm tới người đọc?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 1 - 2 HS đại diện các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **Nhiệm vụ.....**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Cốt truyện và chi tiết của văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều**  1. Mô hình cốt truyện và vai trò của chi tiết trong việc thể hiện nội dung.  - Bích Câu kì ngộ được xây dựng theo mô hình Gặp gỡ - Tai biến (Lưu lạc) – Đoàn tụ (Đoàn viên).  - Mô hình: GV có thể gợi mở theo PHỤ LỤC 14 trang 173.  \* Vai trò của chi tiết trong việc thể hiện nội dung  - Chi tiết có vai trò vô cùng quan trọng trong việc thể hiện nội dung.  Ví dụ:  + Chi tiết thể hiện nỗi nhớ nhung, si tình của Tú Uyên: Sớm khuya của bức họa đồ làm đôi; Từ phen giáp mặt đến giờ/ Những là ngày tưởng đêm mơ đã chồn; Để ai ruột héo, gan mòn vì ai?;...  + Chi tiết gặp gỡ của Tú Uyên và người trong tranh, đồng thời cũng là người trong mộng: Khách tiên chưa dễ qua vòng ái ân; Sáng mai cứ buổi ra đi / Liệu chừng thoắt trở lại về thử coi / Bỗng đâu thấy sự lạ đời / Trong tranh sao có bóng người vào ra?...  + Chi tiết về phép thần tiên: Nói thôi rút chiếc trâm đầu / Biến hình liền thấy đôi hầu theo ra; Bóng mây bỗng kéo quanh nhà / Thảo am thoắt đã đổi ra lâu đài;…  + Chi tiết về mối duyên giữa Giáng Kiều và Tú Uyên: Nhân duyên đã định từ xưa/ Tơ trăng xe đến bây giờ mới thân; Nàng rằng: “Xin quyết gieo cầu/ Tấm son thề với trên đầu xanh xanh…  **2. Nhân vật trong văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều**  **a. Đặc điểm của nhân vật Tú Uyên và Giáng Kiều được thể hiện trong đoạn trích.**  \* Đặc điểm của nhân vật Tú Uyên  - Nhân vật Tú Uyên là một trong những thành công của Bích Câu kì ngộ với hình tượng là đại diện cho tầng lớp Nho sĩ nghèo ở thành Thăng Long, chưa thành đạt trên con đường sự nghiệp.  - Ngoại hình của Tú Uyên không được nhắc đến trong đoạn trích, nhưng tính cách chàng lại vô cùng rõ nét.  + Sự bồng bột, hấp tấp, cuồng nhiệt, cả nể thể hiện qua cách chàng si tình quên ăn, quên ngủ: vội vàng đánh tiếng ra chào và lập tức thổ lộ tình cảm: Sinh rằng: “Trong bấy lâu nay / Nhắp sây gối muộn có ngày nào nguôi”, qua cách chàng mượn rượu lần khân với người con gái vừa gặp mặt: Giọng tình sánh với quỳnh tương / Giả say sinh mới toan đường lần khân.  + Những về sau, khi nàng khuyên can thì cũng thuận theo. Tính cách này của chàng Tú Uyên khá nhất quán, không chỉ trong trích đoạn mà còn xuyên suốt chiều dài của tác phẩm.  \* Đặc điểm của nhân vật Giáng Kiều: + Giáng Kiều là một tiên nữ xinh đẹp, có tấm lòng bao dung, chịu tha thứ cho người đã tổn thương mình.  + Dù đã quay trở lại trời khi không khuyên nhủ được Tú Uyên cai rượu nhưng vẫn quay trở lại khi anh có ý định tự tử và quyết định tha thứ cho mọi sai lầm ở quá khứ.  **b. Dấu hiệu trong đoạn trích “Tú Uyên gặp Giáng Kiều” cho thấy đây là truyện thơ Nôm bác học.**   Dấu hiệu chi thấy văn bản thuộc truyện thơ Nôm bác học là:  - Được sáng tác dưới hình thức văn vần, xoay quanh đề tài tình yêu.  - Có sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình.  - Cốt truyện xoay quanh số phận của 2 nhân vật chính với nội dung phản ánh số phận.  - Có chất lượng nghệ thuật cao khi nói đến hình ảnh Giáng Kiều.  **c. Thông điệp**  Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc là cần biết trân trọng những thứ có hiện tại. Dù để đạt được điều gì đó rất khó, khi đạt được có thể thỏa mãn với thành tựu của mình nhưng không nên buông thả bản thân để mất đi những gì đáng quý để rồi đến khi mất đi mới biết trân trọn. |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản theo PHT (Hs làm việc cá nhân)*   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **III. Tổng kết**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | Đoạn trích cho thấy vẻ đẹp trong tình yêu của Tú Uyên và Giáng Kiều và ca ngợi tình yêu son sắt, thủy chung, vẻ đẹp tâm hồn của hai nhân vật. Qua đó, tác giả cho thấy hy vọng thoát khỏi thực tại xung quanh và thái độ phê phán về xã hội loạn lạc. | - Thể thơ lục bát truyền thống.  - Truyện thơ Nôm bác học giàu điển cố, điển tích.  - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ ước lệ tượng trưng.  - Các từ láy, câu hỏi tu từ. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”  **Câu 1:** Văn bản Tú Uyên gặp Giáng Kiều của tác giả nào?  **A. Vũ Quốc Trân**  B. Đoàn Thị Điểm  C. Nguyễn Du  D. Nguyễn Dữ  **Câu 2:** Tú Uyên gặp Giáng Kiều trích từ tác phẩm nào?  **A. Bích Câu kì ngộ**  B. Đoạn trường tân thanh  C. Quốc âm thi tập  D. Tất cả các đáp án trên đều sai  **Câu 3:** Nội dung của đoạn trích là gì?  A. Kể về chàng Tú Uyên lúc nào cũng ôm tranh bên mình, lòng mơ tưởng đến người đẹp. Cho tới một ngày kia chàng bắt gặp người đẹp ra từ trong tranh  **B. Kể về cuộc sống hạnh phúc của Tú Uyên và Giáng Kiều ở trần gian**  C. Kể về sự hối hận, sầu não, đau ốm của Tú Uyên sau khi Giáng Kiều bỏ về tiên giới  D. Kể về cuộc sống hạnh phúc của Tú Uyên và Giáng Kiều hạnh phúc ở trên cõi tiên  **Câu 4:** Dòng nào sau đây nói không đúng về Giáng Kiều?  A. Giáng Kiều hiệu là Tiên Thù, dung mạo xinh đẹp như tiên giáng trần  B. Giáng Kiều ngày ngày từ bức tranh đi ra dọn dẹp cơm nước nhà cửa sẵn sàng cho Tú Uyên  C. Giáng Kiều vì không khuyên bảo được Tú Uyên bỏ rượu mà bỏ về tiên giới  **D. Giáng Kiều từ đó đi mãi không gặp lại Tú Uyên lần nào nữa**  **Câu 5:** Dòng nào sau đây nói đúng nhất về nhân vật Tú Uyên?  A. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ  B. Sống dưới thời Lê Thánh Tôn  C. Tú Uyên mua được bức tranh vẽ hình mĩ nữ y hệt người chàng đã gặp nên mang về treo trong nhà  **D. Tất cả các đáp án trên**  **Câu 6:** Cốt truyện của Bích Câu kì ngộ được xây dựng theo mô hình nào?  A. Gặp gỡ - Chia ly - Lưu Lạc  B. Gặp gỡ - Gia biến - Chia ly  **C. Gặp gỡ - Tai biến - Đoàn tụ**  D. Gặp gỡ - Chia ly - Tang thương  **Câu 7:** Đặc điểm của nhân vật Tú Uyên trong văn bản  **A. giàu tình cảm, si mê và chung thủy; một lòng một dạ yêu Giáng Kiều từ cái nhìn đầu tiên.**  B. là một người chồng vũ phu, thường hay đánh đập vợ  C. bỏ bê vợ con, sa đọa vào bài bạc  D. luôn biết cách vun vén, chăm lo cho gia đình nhỏ cùng Giáng Kiều  **Câu 8:** Đặc điểm của nhân vật Giáng Kiều trong văn bản  A. xấu xí, thô kệch, ngờ nghệch, tính nết xấu xa  B. xinh đẹp, thủy chung, hiền dịu  C. Mến mộ và một lòng son sắt với Tú Uyên  **D. Cả B và C đúng**  **Câu 9:** Đâu là chi tiết có vai trò quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản  A. Tú Uyên gặp Giáng Kiều ở hồ Bích Câu  B. Tú Uyên mua được bức tranh vẽ hình mĩ nữ hệt như Giáng Kiều  C. Giáng Kiều khuyên chồng bỏ rượu D. Chàng Tú Uyên rình xem, thấy mĩ nhân bước ra từ trong tranh và vội chạy đến chào hỏi. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành

**b. Nội dung:** Hãy diễn xuôi đoạn trích này và nhận xét sự khác biệt giữa đoạn trích và đoạn diễn xuôi về hiệu quả thể hiện nội dung của tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Hãy diễn xuôi đoạn trích này và nhận xét sự khác biệt giữa đoạn trích và đoạn diễn xuôi về hiệu quả thể hiện nội dung của tác phẩm.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3. Báo cáo thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Diễn xuôi đoạn trích:  Đến nơi, thơ thẩn mãi đến xế chiều, chẳng thấy đâu… buồn rầu dạo bước, chợt Tú Uyên thấy một cụ già bán tranh tố nữ, tranh có vẽ cô gái giống hệt người hôm nọ đã gặp ở Ngọc Hồ, bèn mua về treo ngay ở phòng học, đến bữa cơm lại dọn thêm chén đũa, mời mọc, chuyện trò với người trong tranh như người thật. Một hôm Tú Uyên ở trường về muộn, đến nhà đã thấy cơm nước bày sẵn. Lòng nghi hoặc, hôm sau, chàng giả cách đến trường, đi một quãng liền quay lại, nấp vào một chỗ. Lát sau thấy thiếu nữ từ trong tranh bước ra quét dọn, lo bếp núc. Mừng rỡ vô cùng, Tú Uyên bước ra vái chào. Thiếu nữ không biến đi đâu được, thú thực mình là Giáng Kiều, người tiên vốn có tiền duyên với chàng. Tú Uyên tha thiết xin phối ngẫu. Giáng kiều bằng lòng rồi hóa phép biến nhà thành lâu đài nguy nga với đủ người phục dịch. Đám cưới được tổ chức, yến tiệc linh đình với bao nhiêu khách tiên đến dự…  - Sự khác biệt giữa đoạn trích và đoạn diễn xuôi về hiệu quả thể hiện nội dung của tác phẩm:  + Đoạn trích truyện thơ: có sử dụng yếu tố tự sự kết hợp với yếu tố trữ tình còn đoạn trích diễn xuôi chỉ sử dụng yếu tố tự sự, kể lại trình tự các sự việc diễn ra. |

**4. Củng cố:**

Tác giả Vũ Quốc Trân quê ở đâu?

Giáng Kiều và Tú Uyên sống hạnh phúc ở cõi trần với nhau mấy năm?

Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc là gì?

**5. HDVN:**

- Vận dụng các kiến thức đã học

- Soạn bài: Đọc kết nối chủ điểm.

Ngày soạn:

**BÀI 3: KHAO KHÁT ĐOÀN TỤ**

**(TRUYỆN THƠ)**

**Tiết …: PHẦN ĐỌC (Đọc kết nối chủ điểm)**

**NGƯỜI NGỒI ĐỢI TRƯỚC HIÊN NHÀ (Huỳnh Như Phương)**

**(0,5 tiết)**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

 HS nhận biết được một số yếu tố hình thức (chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,…), nội dung (đề tài, chủ đề và ý nghĩa) của tản văn; kết hợp ôn lại các đặc điểm của các tác phẩm kí nói chung như: ngôi kể, tính xác thực của sự việc được kể, hình thức ghi chép.

- HS phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.

**2. Năng lực**

1. **Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

1. **Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực ngôn ngữ*: Nhận biết được một số yếu tố hình thức: chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,… của bài tản văn.

- *Năng lực văn học:* Nhận biết được một số yếu tố nội dung: đề tài, chủ đề và ý nghĩa của bài tản văn; Phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; Nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.

**3. Phẩm chất**

-  HS yêu quý, trân trọng truyền thống, cảnh vật và con người của quê hương, đất nước.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về nhà văn Huỳnh Như Phương;

- Máy tính, máy chiếu, video clip;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

1. **Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

# **III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình, từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học Người ngồi trước hiên nhà.

**b. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS.

# **c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV nêu lên nhiều câu hỏi gợi mở cho HS thảo luận trả lời:  + Em có hiểu biết gì về những hi sinh, mất mát của dân tộc và nhân dân ta trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm?  + Hãy nêu lên một ví dụ về sự hi sinh, mất mát đối với người phụ nữ trong cuộc kháng chiến mà em cho là mất mát lớn nhất.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS liên hệ bản thân để suy nghĩ trả lời các câu hỏi.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước cả lớp.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá chia sẻ, câu trả lời thú vị của HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV liên hệ để dẫn dắt vào bài học mới: Ở bài học trước, chúng ta đã được học khát khao đoang tụ gia đình trong các bài Lời tiễn dặn và Tú Uyên gặp Giáng Kiều. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau đọc và tìm hiểu một hình ảnh vô cùng đẹp khác, nhưng lại rất buồn về tình cảm vợ chồng trong cuộc kháng chiến ngày xưa. Hãy cùng bước vào văn bản **Người ngồi đợi trước hiên nhà** nhé! | - Từ chia sẻ của HS, GV liên hệ để dẫn dắt vào bài học mới: Ở bài học trước, chúng ta đã được học khát khao đoang tụ gia đình trong các bài Lời tiễn dặn và Tú Uyên gặp Giáng Kiều. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau đọc và tìm hiểu một hình ảnh vô cùng đẹp khác, nhưng lại rất buồn về tình cảm vợ chồng trong cuộc kháng chiến ngày xưa. Hãy cùng bước vào văn bản **Người ngồi đợi trước hiên nhà** nhé! |

# **HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu:**

Nắm được những kiến thức cơ bản về tản văn.

**b. Sản phẩm:**

HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS xem lại khái niệm tản văn ở phần Kiến thức ngữ văn để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc, tìm hiểu thông tin về tản văn, trả lời các câu hỏi gợi mở.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một vài HS trình bày phần tìm hiểu của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **1. Một số tri thức về thể loại**  Tản văn là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc, có thể trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả phong cảnh, khắc họa nhân vật. Lối thể hiện đời sống của tản văn mang tính chất chấm phá, không nhất thiết đòi hỏi có cốt truyện phức tạp, nhân vật hoàn chỉnh nhưng có cấu tứ độc đáo, có giọng điệu, cốt cách cá nhân. |
| ***2. Hoạt động đọc văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS xem lại khái niệm tản văn ở phần Kiến thức ngữ văn để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.  + Bài tản văn viết về ai, về sự việc gì (đề tài)?  + Tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào? Chỉ ra tác dụng của việc kết hợp đó.  + Vấn đề tác giả nêu lên có ý nghĩa xã hội như thế nào?  + Những yếu tố nào bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý nghĩ của tác giả?  + Tóm tắt nội dung của văn bản?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc VB, tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm và trả lời các câu hỏi gợi mở.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một vài HS trình bày phần tìm hiểu của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **2. Hoạt động đọc văn bản: *Người ngồi đợi trước hiên nhà***  **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  - Bài tản văn viết về dì Bảy (Lê Thị Thỏa), một người phụ nữ quê ở Quảng Ngãi, đã chờ đợi chồng suốt cả cuộc chiến tranh. Chồng hi sinh trong chiến đấu, dì thầm lặng sống một mình cho đến lúc già.  - Tác giả sử dụng phưng thức biểu đạt tự sự và biểu cảm. Sự biểu cảm thể hiện qua lời người kể chuyện, nhằm bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của tác giả với câu chuyện được kể.  - Vấn đề tác giả nêu lên là vấn đề xuất hiện rất nhiều trong xã hội vào những năm tháng chiến tranh, những người phụ nữ phải chịu cảnh chia li người chống thân yêu của mình.  - Yếu tố ngôi kể đã bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý nghĩ của tác giả.  **2. Tìm hiểu chung**  **a) Tác giả**  - Tên khai sinh: Huỳnh Như Phương.  - Quê quán: Quảng Ngãi  - Năm sinh: 1955  - Thể loại sáng tác: Phê bình văn học.  - Tác phẩm tiêu biểu: Dẫn vào tác phẩm văn chương (1986); Trường phá thức Nga (2007), Những nguồn cảm hứng trong văn học (2008),…  **b) Tác phẩm**  - Xuất sứ: Trích trong Thành phố - những thước phim quay chậm, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2018.  - Thể loại: tản văn  - Bố cục:  + Phần 1: Từ đầu đến “đôi người đôi ngả”: Tình cảnh ly tán “kẻ Bắc người Nam” của những gia đình có người tập kết ra Bắc..  + Phần 2: Tiếp đến “tìm mộ phần của dượng”: Tình cảnh đáng thương của dì Bảy khi dượng Bảy ra chiến trận.  + Phần 3: Còn lại: Tấm lòng thủy chung, son sắt của dì |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

Nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả và tác phẩm Người ngồi đợi trước hiên nhà

**b. Sản phẩm:**

HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1.Đọc hiểu văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS:  + Xác định ngôi kể của VB. Chỉ ra tác dụng của ngội kể đó.  + Tìm và phân tích một số câu hoặc đoạn văn trục tiếp bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của tác giả.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ GV giao.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Sự kiện chính của VB**  - Dượng Bảy cùng nhiều người con đất Quảng lên đường ra Bắc tập kết.  - Ra miền Bắc rồi vào lại miền Nam chiến đấu, dượng Bảy vẫn liên lạc với gia đình.  - Dượng Bảy ngã xuống trong trận đánh ở Xuân Lộc, trên đường tiến vào Sài Gòn.  - Ngày hòa bình, đì tôi đã qua tuổi 40. Vẫn có người đàn ông để ý đến dì, nhưng lòng dì không còn rung động.  - Dĩ Bảy năm nay tròn 80 tuổi, đang ngồi một mình đợi Tết.  **2. Ngôi kể của VB**  - Toàn bộ bài tản văn là lời người kể theo ngôi thứ nhất, xưng “tôi”, đó cũng chính là lời tác giả. Đoạn văn nào cũng là lời tác giả.  - Tác giả kể về câu chuyện của dì mình, lời người kể luôn nhỏ nhẹ, luôn thì thầm với người đọc. Cách kể ấy vừa thể hiện được tình cảm và thái độ quý trọng, kính cẩn, thiêng liêng của người cháu, vừa thể hiện được sự hi sinh thầm lặng, sự chịu đựng bền bỉ, âm thầm, lặng lẽ, “biết hi sinh nên chẳng nhiều lời” của những người phụ nữ Việt Nam.  **2. Nhân vật trong văn bản**  **2.1. Nhân vật dì Bảy**  **a. Hoàn cảnh**  - Mới lấy nhau được 1 tháng, dượng Bảy đã phải ra Bắc tập kết và đồi người đôi ngả.  - Cuối năm 1975, gia đình nhận được giấy bảo tử của dượng è dì dượng phải chia ly mãi mãi.  **b. Tính cách, phẩm chất**  - Dù cho có cô đơn, lẻ loi, dì Bảy vẫn một lòng chung thủy với người chống đã khuất của mình.  - Dì Bày là người phụ nữ đức hạnh, đại diện cho phầm chất của những người mẹ, người vợ Việt Nam anh hùng hi sinh tuổi thanh xuân, tuổi trẻ của mình, nén nỗi đau cá nhân vào bên trong, âm thầm góp sức vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.  **2.2. Nhân vật dượng Bảy**  **a. Hoàn cảnh**  - Dượng mồ côi cha mẹ, đi bộ đội, đóng quân ở làng tôi, thầm yêu dì, rồi đứng ra làm lễ cưới.  - Chỉ một tháng sau khi lấy vợ thì đơn vị chuyển đi, đôi người đôi ngả.  - Dượng hi sinh trong trận đánh ở Xuân Lộc, chỉ mười ngày trước khi chiến tranh ngưng tiếng súng.  **b. Tình cách, phẩm chất**  - Dượng Bảy đại diện cho những người anh hùng ra đi bỏ lại đằng sau là gia đình, người thân, chiến đấu để giải phóng dân tộc, để nhân dân được bình yên, hạnh phúc. Nhưng lại không có cái may mắn được chứng kiến ngày đất nước được giải phóng.  - Bên cạnh đó, dượng còn là một người luôn nhớ tới gia đình, tới người vợ tần tảo, phải chịu nhiêu thiệt thòi, vất vả.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Bài tản văn đã nêu lên được những vấn đề có ý nghĩa xã hội lớn lao: sự hi sinh thầm lặng, phẩm chất thủy chung, kiên định của người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh.  **2. Nghệ thuật**  - Kể bằng một câu chuyện giản đơn mà rất xúc động.  - Giọng văn nhỏ nhẹ, chất chứa đầy cảm xúc, suy tư và sự thành kính của người viết.  - Miêu tả nhân vật chân thật, sinh động.   * **Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa:**   **Câu 1:*Bạn có suy nghĩ gì về hình ảnh người vợ trong văn bản?***  Trả lời: Dì Bảy trong bài tản văn giống như hình tượng hòn Vọng Phu ở các câu chuyện cổ. Vì qua câu chuyện, em thấy được ở dì sự chờ đợi, thương yêu, không quản khó nhọc hi sinh vun vén gia đình, thủy chung một lòng với người chồng nơi chiến trận. Dù biết chồng đã hi sinh, dì cũng không màng đoái hoài tới những lời dạm hỏi, một lòng chăm lo cho gia đình nhỏ, ngày ngày ngồi đợi trước hiên nhà, hoài vọng quá khứ đã đi qua.  **Câu 2:*Niềm khát khao đoàn tụ được thể hiện trong văn bản như thế nào? Hãy nêu một số chi tiết tiêu biểu thể hiện điều này.***  Trả lời:  Mỗi ngày, sau khi đi làm đồng trở về, dì tôi thường ngồi trên bộ phản gõ ngoài hiên nhìn ra con ngõ, nơi ngày xưa dượng cùng những người đồng đội lần đầu đến nhà tôi xin chỗ trú quân. Năm dượng đi, dì tròn 20 tuổi. Suốt 20 năm sau đó, có những người ngỏ ý, dạm hỏi, dì vẫn không lung lạc, với niềm tin sẽ có ngày dượng trở về.  **Câu 3:*Bạn đã bao giờ nghe câu chuyện nào khác kể về sự chia ly và khát vọng đoàn tụ trong cuộc sống hay chưa? Hãy chia sẻ câu chuyện đó với các bạn bằng cách kể hoặc viết lại.***  Trả lời:  Câ chuyện của Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều: Tôi có người bạn, nhà thơ, Tiến sĩ Nguyễn Huy Hoàng, anh ấy khi đang làm nghiên cứu sinh ở Nga, đứa con gái 13 tuổi mất tích mà chỉ sau mấy ngày, tóc anh bạc trắng cho đến tận bây giờ. Và anh suốt đời vẫn đi lang thang, ngày đêm chờ đứa con trở về, kể cả nó có trở về trong hình thức nào, trở về trong số phận nào, trở về trong một ngôn ngữ nào mặc dù có thể tiếng Việt đã lãng quên thì đấy vẫn là niềm hạnh phúc lớn nhất.  Anh nói với tôi rằng đôi mắt trần tục của anh có thể ngủ như một người bình thường nhưng đôi mắt yêu thương, đợi chờ lương tâm anh mở suốt mấy chục năm nay không bao giờ nhắm được. Nếu không tìm được người con đấy là nỗi đau lớn của bạn tôi |
| ***2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu học sinh hoạt động nhóm trả lời các câu hỏi  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ GV giao.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét. | * **Các câu hỏi mở rộng:**   ***Câu 1. Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Ngồi đợi trước hiên nhà***  ***Trả lời:*** Văn bản kể về câu chuyện của vợ chồng dì Bảy, một câu chuyện buồn về một người vợ mòn mỏi đợi chồng đi kháng chiến rồi nhận hung tin chồng đã chết. Câu chuyện đã phản ánh sự tàn khốc của chiến tranh đã chia lìa biết bao gia đình, cướp đi những người con, người chồng, người cha của bao người phụ nữ.  **Câu 2.*Em hãy nêu nội dung chính của văn bản Ngồi đợi trước hiên nhà***  Văn bản kể về câu chuyện của vợ chồng dì Bảy, một câu chuyện buồn về một người vợ mòn mỏi đợi chồng đi kháng chiến rồi nhận hung tin chồng đã chết. Câu chuyện đã phản ánh sự tàn khốc của chiến tranh đã chia lìa biết bao gia đình, cướp đi những người con, người chồng, người cha của bao người phụ nữ.  **Câu 3**. **Nêu tác giả, tác phẩm, bố cục của văn bản Ngồi đợi trước hiên nhà** |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:**

Nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả và tác phẩm Người ngồi đợi trước hiên nhà

**b. Sản phẩm:**

HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật.**  **2. Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách đọc**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ GV giao.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét. | **1. Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật.**  Chiến tranh đã qua đi những những hậu quả mà chiến tranh để lại thì vẫn còn mãi. Một trong những hậu quả nặng nề mà chiến tranh để lại có là sự cô đơn, bơ vơ, chờ đợi trong mòn mỏi đến vô vọng của những người phụ nữ có chồng đi chiến trận và ở lại vĩnh viễn nơi chiến trường xa xôi kia.  Dì Bảy trong bài tản văn Người ngồi đợi trước hiên nhà của nhà văn Huỳnh Như Phương chính là người phụ nữ như thế.  Dì Bảy và dượng Bảy lấy nhau được chừng một tháng thì dượng phải ra miền Bắc tập kết. Hạnh phúc ngắn chẳng tày gang thì đôi người đôi ngả. Dì ở nhà mong ngóng chờ đợi tin tức của chồng mình qua những dòng thư ngắn, những lời hỏi thăm, những món quà nhỏ nhờ người quen gửi hộ.  Mặc dù đang ở độ tuổi xuân sắc có biết bao người hỏi tới dì, muốn mang đến cho dì một mái ấm hạnh phúc, nhưng dì nhất quyết không chấp nhận, không bao giờ lung lạc. Dì luôn chờ đợi một ngày dượng sẽ chờ về. Ngay cả khi biết rằng dượng đã không còn nữa, dì vẫn không mở lòng, dì vẫn ôm vào lòng hình bóng dượng.  Không chỉ có dì Bảy còn rất nhiều người phụ nữ họ phải chịu những nỗi tổn thương sâu sắc về tinh thần, cả đời họ là sự chờ đợi, ngóng chông để rồi thất vọng và cô đơn cứ bấu víu lấy mình. Họ hi sinh tuổi thanh xuân, hạnh phúc cá nhân của mình để góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Họ chính là những người anh hùng thầm lặng, không cần cầm súng, cầm gươm, giáo chiến đấu với kẻ thù. Họ âm thầm, lặng lẽ là hậu phương vững chắc, là điểm tựa tinh thần cho những chiến sĩ ngoài chiến trường xa xôi kia.  Một lần nữa, xin hãy biết ơn những người mẹ, người vợ Việt Nam anh hùng. Họ đã dành cả tuổi xuân ngắn ngủi, ít ỏi của mình để đổi lấy bình yên, độc lập cho cả dân tộc Việt Nam ta. |

Ngày soạn:

**BÀI 3: KHAO KHÁT ĐOÀN TỤ**

**(TRUYỆN THƠ)**

**Tiết …. ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI (0,5 tiết)**

**THỊ KÍNH NUÔI CON CỦA THỊ MẦU**

**(Trích Quan Âm Thị Kính – truyện thơ khuyết danh Việt Nam)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù**

* **Học sinh tóm tắt** nội dung của văn bản, **xác định** ngôi kể và **chỉ ra** những đặc điểm truyện thơ trong văn bản
* **Học sinh phân tích** nhân vật Thị Kính trong văn bản và nhận xét cách tác giả dân gian xây dựng nhân vật trong truyện thơ
* **Học sinh phân tích** đặc điểm của ngôn ngữ văn học, ngôn ngữ truyện thơ Nôm trong văn bản
* **Học sinh chỉ ra** được thông điệp của văn bản trên

**2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,..

**3. Về phẩm chất**: Liên hệ về tình yêu thương, sự hi sinh cao thượng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV chiếu hình ảnh về Quan Âm Thị Kính và giới thiệu về vở chèo Quan Âm Thị Kính * HS theo dõi và lắng nghe | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV chiếu hình ảnh và gợi dẫn  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh theo dõi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh theo dõi  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **GV dẫn dắt vào bài học** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh tóm tắt** nội dung của văn bản, **xác định** ngôi kể và **chỉ ra** những đặc điểm truyện thơ trong văn bản * **Học sinh phân tích** nhân vật Thị Kính trong văn bản và nhận xét cách tác giả dân gian xây dựng nhân vật trong truyện thơ * **Học sinh phân tích** đặc điểm của ngôn ngữ văn học, ngôn ngữ truyện thơ Nôm trong văn bản * **Học sinh chỉ ra** được thông điệp của văn bản trên   **b. Nội dung thực hiện:**   * Giáo viên chia nhóm, HS thảo luận và tìm hiểu về văn bản | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên chia nhóm và đưa ra từng nhiệm vụ:   * **Nhiệm vụ 1. Học sinh tóm tắt** nội dung của văn bản, **xác định** ngôi kể và **chỉ ra** những đặc điểm truyện thơ trong văn bản * **Nhiệm vụ 2. Học sinh phân tích** nhân vật Thị Kính trong văn bản và nhận xét cách tác giả dân gian xây dựng nhân vật trong truyện thơ * **Nhiệm vụ 3.** **Học sinh phân tích** đặc điểm của ngôn ngữ văn học, ngôn ngữ truyện thơ Nôm trong văn bản   **Thời gian:** 20 phút  **Chia sẻ và phản biện**: 5 phút/nhóm  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **I. Tìm hiểu chung**  **Tóm tắt:**  Thiện Sĩ, con Sùng ông, Sùng bà, kết duyên cùng Thị Kính, con gái Mãng ông, một nông dân nghèo. Một hôm, vợ ngồi khâu, chồng đọc sách rồi thiu thiu ngủ bên cạnh. Thấy chồng có sợi râu mọc ngược, Thị Kính cầm dao khâu toan xén đi. Thiện Sĩ giật mình, bất giác hô hoán lên. Cha mẹ chồng đổ riệt cho Thị Kính có ý giết Thiện Sĩ, đuổi Thị Kính về nhà bố đẻ. Bị oan ức nhưng không biết kêu vào đâu, Thị Kính giả trai, vào tu ở chùa Vân Tự, lấy pháp hiệu là Kính Tâm. Thị Mầu, con gái phú ông, vốn tính lẳng lơ, say mê Kính Tâm. Ve vãn Kính Tâm không được, Thị Mầu về nhà đùa ghẹo, ăn nằm với anh Nô là người ở, rồi có thai. Làng bắt vạ. Bí thế, Thị Mầu khai cho Kính tâm. Kính Tâm chịu oan, bị đuổi ra tam quan (cổng chùa). Thị Mầu đem con bỏ cho Kính Tâm. Trải ba năm, Kính Tâm đi xin sữa từng ngày nuôi con của Thị Mầu. Khi sức càn lực kiệt, Kính Tâm viết thư để lại cho cha mẹ. Bấy giờ mọi người mới rõ Kính Tâm là con gái và hiểu rõ được tấm lòng từ bi, nhẫn nhục của nàng.  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nội dung chính văn bản – Ngôi kể - Đặc điểm cơ bản của truyện thơ**  **a. Nội dung:** Văn bản kể về việc Thị Mầu mang thai, bị làng bắt phạt nên khai liều là của Kính Tâm. Thị Mầu sinh con mang tới chùa đổ vạ, Thị Kính suốt 3 năm trời ròng rã xin sữa nuôi con, cuối cùng thân tàn lực kiệt, viết thư để lại cho cha mẹ rồi chết đi. Cuối cùng mọi người mới biết Kính Tâm là nữ, bèn lập đàn giải oan cho nàng.  **b. Ngôi kể:**  - Việc Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu được thuật lại theo ngôi kể thứ 3, qua điểm nhìn của tác giả.  - Dựa vào nội dung văn bản, người kể giấu mình không xưng (tôi) chỉ kín đáo gọi sự vật theo ngôi thứ ba: gọi tên nhân vật theo nhận xét của mình và kể sao cho sự việc diễn ra theo trình tự.  **c. Đặc điểm của truyện thơ**  **- Yếu tố tự sự:**  + Có cốt truyện  + Nội dung phản ánh cuộc sống và khát vọng của tầng lớp nhân dân.  + Được viết theo mô hình nhân quả.  **- Yếu tố trữ tình:** Tác giả kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình, vừa kể chuyện vừa vận dụng những yếu tố trữ tình giúp câu chuyện dễ nghe, dễ đọc, đưa vào lòng người đọc một cách dễ dàng, thuyết phục.  **2. Nhân vật Thị Kính**  - Thị Kính hiện lên là người có tấm lòng nhân hậu, có lòng hiếu sinh và xót thương cho những thân phận nhỏ bé dù cho hi sinh cả thanh danh của mình.  + Thị Kính nhặt nuôi đứa trẻ cửa chùa dù biết việc này có thể làm “dơ” thanh danh nơi linh thiêng của mình  *Tiểu đương tụng niệm khấn nguyền,*  *Bỗng nghe tiếng trẻ tá lên giật mình.*  *Ngoảnh đi thì dạ chẳng đành,*  *Nhận ra thì hoá là tình chẳng ngay.*  *Gớm thay mặt dạn mày dày,*  *Trân trân rằng giả con đây mà về.*  *Cơ thiền kể đã khắt khe,*  *Khéo xui ra đứa làm rể riếu mình.*  *Nhưng mà trong dạ hiếu sinh,*  *Phúc thì làm phúc, do thì đành do.*  *Cá trong chậu nước sơn sơ,*  *Thì nay chẳng cứu còn chờ khi nao*  + Mặc cho người đời dị nghị, cười chê, Thị Kính vẫn hết lòng nuôi con và nén sự thật không nói ra  *Nâng niu xiết nỗi truân chuyên,*  *Nhai cơm móm sữa để nên con người.*  *Đến dân ai cũng chê cười,*  *Tiểu kia tu có trót đời được đâu.*  *Biết chăng một đứa thương đâu,*  *Mình là hai với Thị Mầu là ba*.  - Kính Tâm là người yêu mến trẻ, hết mực chăm lo, săn sóc cho đứa trẻ  + Lo thuốc thang, chăm sóc, độ kinh  *Ra công nuôi bộ thực là,*  *Nhưng buồn có trẻ hoá ra đỡ buồn.*  *Khi trống tàn, lúc chuông dồn,*  *Tiếng chuông lẫn tiếng ru con tối ngày.*  *Phù trì như thổi ra ngay,*  *Lọ phương hoạt ấu lọ thầy bảo anh.*  *Bùa thiêng đã sẵn kim kinh,*  *Ma vương kia cũng phải kiêng lọ là.*  + Lo dạy dỗ, nâng đỡ  *Thoi đưa tháng trọn ngày qua,*  *Mấy thu mà đã lên ba tuổi rồi.*  *Con mày mà giống cha nuôi,*  *Hình dung ý tứ khác nào bản sinh.*  *Mai ngày đến lúc trưởng thành,*  *Cơ cầu dễ rạng tiền trình hơn xưa.*  **Cách xây dựng nhân vật:**  + Được tác giả chia thành hai tuyến rõ ràng: chính diện và phản diện. Kính Tâm hiện lên là người có đức độ, yêu thương và biết hi sinh  + Nhân vật trong truyện thơ gặp phải những biến cố cuộc đời mang đến sự hấp dẫn và nét đặc biệt cho nhân vật  **3. Ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ truyện thơ Nôm**  + Có sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình.  + Ngôn ngữ gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày.  “Rõ là nước lã mà nhầm,  Cũng đem giọt máu tình thâm hòa vào  Mẹ vò thì sữa khát khao  Lo nuôi con nhện làm sao cho tuyền.  Nâng niu xiết nỗi truân chuyên,  Nhai cơm mớm sữa để nên con người.”  + Tác giả kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình, vừa kể chuyện vừa vận dụng những yếu tố trữ tình giúp câu chuyện dễ nghe, dễ đọc, đưa vào lòng người đọc một cách dễ dàng, thuyết phục. |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận: Theo em, thông điệp của văn bản là gì? Vì sao em lại rút ra được thông điệp như vậy?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **4. Thông điệp của văn bản**  - Qua nhân vật Thị Kính, tác giả dân gian muốn nhắn nhủ đến người đọc người nghe về người có tấm lòng nhân hậu, những người ở hiền gặp lành.  - Dựa vào nội dung văn bản, cho ta thấy cuộc đời của Thị Kính đã trải qua rất nhiều khó khăn, thử thách nhưng vẫn giữ cho mình một tấm lòng trong sáng, nhân hậu. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:** HS thực hành diễn xuôi hoặc dựng tiểu phẩm đoạn truyện thơ  **b. Nội dung thực hiện**  Từ nội dung văn bản HS thực hành diễn xuôi và dựng tiểu phẩm đoạn truyện thơ. | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ: Từ nội dung văn bản HS thực hành diễn xuôi và dựng tiểu phẩm đoạn truyện thơ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Sản phẩm của HS |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh liên hệ chia sẻ về sự hi sinh, lòng bao dung của con người. Liên hệ tới các vấn đề cha mẹ ruột, hay cha mẹ dượng bạo hành trẻ em ngày nay  **b. Nội dung thực hiện:** HS tìm hiểu và chia sẻ về vấn đề: Nhà nước có nên để trẻ em sống với cha mẹ dượng khi còn quá nhỏ? | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ tìm hiểu  **HS tìm hiểu và chia sẻ về vấn đề: Nhà nước có nên để trẻ em sống với cha mẹ dượng khi còn quá nhỏ?**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ của HS**  **Gợi ý:**  **Sự kiện có thật:** vụ việc bé Vân Anh bị mẹ kế bạo hành tới chết hay bé mới sinh bị người tình của mẹ bạo hành,…   * Có thể vẫn sống cùng nhưng cha mẹ đẻ cần có trách nhiệm bảo vệ con cái, tìm hiểu kĩ đối phương và nâng cao tinh thần cảnh giác vì tương lai của trẻ * Cần có trách nhiệm trong hôn nhân để xây dựng mái ấm cho trẻ |

***Phụ lục. Rubric thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết …: ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI**

**(01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài làm của bạn.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể.

- Phân tích được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ.

- Trân trọng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, PHT, máy chiếu/ti vi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu đoạn hội thoại và hỏi:  Em có nhận xét gì về đặc điểm ngôn ngữ đối thoại của hai nhân vật trong đoạn trích sau?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | Đoạn hội thoại:  - Kìa anh ấy gọi! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy!  Thị cong cớn:  - Có khối cơm trắng mấy giò đấy! Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy?  Tràng ngoái cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười:  - Thật đấy, có đẩy thì ra mau lên!  Thị vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.  - Đã thật thì đẩy chứ sợ gì, đằng ấy nhỉ. – Thị liếc mắt, cười tít.  (*Vợ nhặt*, Kim Lân)  **Nhận xét:**  - Ngôn ngữ đơn giản, gần với lời ăn tiếng nói  - Lời đối thoại hằng ngày |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**

**-** Học sinh ghi nhớcác đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói

**-** Học sinh thực hànhnhận diện ngôn ngữ nói

**b. Nội dung:**

- Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi,

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên yêu cầu HS đọc phần tri thức Ngữ văn  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh trình bày các nội dung về ngôn ngữ nói  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **I. Tri thức tiếng Việt**  **Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói**  - Ngôn ngữ nói là lời nói sử dụng trong giao tiếp hằng ngày; thể hiện thái độ, phản ứng tức thời của người nói và người nghe. Vì vậy, ngôn ngữ nói thường có những đặc điểm cơ bản sau:  - Đa dạng về ngữ điệu (gấp gáp, chậm rãi; to, nhỏ;...), góp phần thể hiện trực tiếp tình cảm, thái độ của người nói.  - Thường sử dụng khẩu ngữ, từ địa phương, tiếng lóng, trợ từ, thán từ, từ ngữ chêm xen, đưa đẩy,...  - Thường sử dụng cả câu tỉnh lược và câu có yếu tố dư thừa, trùng lặp. Câu tỉnh lược thường được dùng để lời nói ngắn gọn. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, câu lại chứa nhiều yếu tố dư thừa, trùng lặp (do người nói vừa nghĩ vừa nói, không có điều kiện gọt giũa hoặc do người nói muốn lặp lại để giúp người nghe có thời gian lĩnh hội thấu đáo nội dung giao tiếp).  - Kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ như: nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...  ***\* Lưu ý:***  - Nói và đọc (thành tiếng) một văn bản là khác nhau. Đọc (thành tiếng) bị lệ thuộc vào văn bản viết. Dù vậy, người đọc vẫn có thể tận dụng những ưu thế của ngôn ngữ nói như ngữ điệu, các phương tiện phi ngôn ngữ để làm cho phần đọc diễn cảm hơn.  - Ngôn ngữ nói có thể được ghi lại bằng chữ viết, chẳng hạn như đoạn đối thoại của các nhân vật trong văn bản truyện, cuộc phỏng vấn trong một bài báo,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết, phân tích được đặc điểm của ngôn ngữ nói.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh làm bài 1,2,3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *GV chia lớp thành 4 nhóm*  *+ Nhóm 1: Bài 1*  *+Nhóm 2: Bài 2*  *+Nhóm 3: Bài 3*  *+Nhóm 4: Bài 4*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS đọc thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Câu 1 (trang 70 sgk Ngữ văn 11 Tập 1): Có những trường hợp ngôn ngữ nói được ghi lại bằng chữ viết. Lấy ví dụ và chỉ ra những dấu hiệu nhận biết ngôn ngữ nói trong các trường hợp đó.**  - Có những trường hợp ngôn ngữ nói được ghi lại bằng chữ viết như các văn bản truyện có lời nói của các nhân vật, bài báo ghi lại cuộc phỏng vấn hoặc tọa đàm, bài ghi lại cuộc nói chuyện…  - Dấu hiệu nhận biết ngôn ngữ nói trong các trường hợp đó:  + Thường sửu dụng khẩu ngữ, từ địa phương…  + Được trình bày theo dạng đối thoại.  **Câu 2 (trang 70 sgk Ngữ văn 11 Tập 1): Lời thoại của nhân vật trong các đoạn trích dưới đây có những đặc điểm nào của ngôn ngữ nói?**  **a. – Tươm rồi đấy, anh – Cô gái nói trong bóng tối.**  **- Cám ơn nhé, Nhật Giang!**  **Cô gái trở lại với nỗi ngạc nhiên:**  **- Ô kìa. Ừ nhỉ, sao anh biết tên em?**  **Tôi cười, không đáp.**  **- À, em biết rồi. Anh tọa độ chứ gì mà. Các anh bộ đội chuyên thế. Cứ gọi: Lan, Hằng, Liên, Oanh thế nào cũng trúng, chứ gì?**  **- Nhưng Giang, lại Nhật Giang nữa, chắc không có hai người tên như thế đâu, đoán mò sao được.**  **(Bảo Ninh, Giang)**  **b. Bỗng thằng Cò kêu “oái” một tiếng, hai tay vò trán lia lịa.**  **- Có ong sắt, tía ơi! Nó đánh con một vết đây nè!**  **Tôi nhanh trí ngược hướng gió chạy ra xa để tránh bầy ong, và nhân thể bứt vội vàng một nắm cỏ tranh và sậy khô đưa lại cho tía nuôi tôi:**  **- Tía ơi, đốt nó đi, tía!**  **Tía nuôi tôi mỉm cười, khoát khoát tay:**  **- Đừng! Không nên giết ong, con à! Để tía đuổi nó cách khác…**  **(Đoàn Giỏi, Đất rừng phương nam)**  Lời thoại của nhân vật trong các đoạn trích trên có những đặc điểm của ngôn ngữ nói là:  a. - Sử dụng khẩu ngữ, được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày.  - Sử dụng thán từ.  - Kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ: nụ cười, cử chỉ.  - Sử dụng đa dạng về ngữ điệu.  b. - Sử dụng từ ngữ địa phương.  - Sử dụng đa dạng về ngữ điệu.  - Kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ: nụ cười, cử chỉ.  **Câu 3 (trang 71 sgk Ngữ văn 11 Tập 1): Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  ***“Dậy đi em, dậy đi em ơi!***  ***Dật giũ áo kẻo bọ,***  ***Dậy phủi áo kẻo lấm!***  ***Đầu bù anh chải cho***  ***Tóc rối đưa anh búi hộ!”***  **(Truyện thơ dân tộc Thái, Tiễn dặn người yêu)**  **a. Lời của nhân vật trong đoạn trích trên có mang đặc điểm của ngôn ngữ nói không? Vì sao?**  **b. Từ các ngữ liệu ở bài tập 2 và 3, hãy nhận xét về sự khác biệt giữa lời nói của nhân vật trong văn bản truyện và văn bản truyện thơ.**  a. Lời nói của nhân vật có mang đặc điểm của ngôn ngữ nói, vì:  - Có sử dụng ngữ điệu.  - Sử dụng khẩu ngữ và từ ngữ địa phương.  b. Sự khác biệt giữa lời nói của nhân vật trong văn bản truyện và văn bản truyện thơ là:  - Trong các văn bản truyện, sử dụng nhiều khẩu ngữ, thán từ, câu từ đa dạng về ngữ điệu và có sự kết hợp nhiều với các phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ, nụ cười…  - Trong các văn bản truyện thơ: sử dụng nhiều từ ngữ địa phương, sử dụng cả các câu tỉnh lược và câu có yếu tố trùng lắm và ít kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ hơn…  **Câu 4 (trang 71 sgk Ngữ văn 11 Tập 1): Đọc (thành tiếng) phần Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói ở mục Tri thức Ngữ văn. Phần đọc (thành tiếng) này có những đặc điểm của ngôn ngữ nói không? Vì sao?**  - Phần đọc (thành tiếng) phần Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói ở mục Tri thức Ngữ văn không phải ngôn ngữ nói.  - Tuy nhiên người đọc có thể tận dụng những ưu thế của ngôn ngữ nói như ngữ điệu.  - Có thể chêm xen và sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để cho phần đọc trở nên diễn cảm hơn. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên yêu cầu **Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu nhận xét về một nhân vật/ chi tiết trong một truyện thơ đã để lại cho bạn ấn tượng sâu sắc nhất.**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện .  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình .  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo. | **Đoạn văn tham khảo**  Trong văn bản “Lời tiễn dặn”, diễn biến tâm trạng của chàng trai trên đường tiễn người yêu về nhà chồng đã để lại cho người đọc ấn tượng sâu sắc. Đưa tiễn người yêu về nhà chồng, chàng trai vô cùng đau khổ, xót xa. Chàng trai vẫn dành rất nhiều tình cảm cho cô gái. Điều này thể hiện qua cách gọi cô gái của chàng trai là “người đẹp anh yêu”, khẳng định tình yêu dành cho cô gái vẫn vô cùng thắm thiết. Lúc đưa tiễn chàng trai có nhiều cử chỉ, hành động như muốn níu kéo những phút giây cuối cùng được ở bên cạnh người yêu, muốn ngồi lại, âu yếm chị, nựng con của chị…Chàng trai dặn dò người mình yêu đôi câu rồi nặng nề quay trở về. Qua hành động ấy ta thấy được tình yêu cao cả đến nhường nào của anh đối với cô gái, bỏ qua tất cả để đến với chị bằng tấm lòng chân thành, thật đáng ngợi ca. |

**IV. Phụ lục**

**4. Củng cố:**

- Nêu các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

- Cần có những lưu ý gì giữa đọc văn bản và ngôn ngữ nói?

**5. HDVN:**

- Hoàn thành bài tập vận dụng.

- Chuẩn bị phần đọc mở rộng theo thể loại: “Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu”.

Ngày soạn:

Tiết:

**BÀI 3: KHÁT KHAO ĐOÀN TỤ (truyện thơ)**

**Phần 3: DẠY VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**(TRUYỆN THƠ) HOẶC MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (BÁI HÁT)**

**(2 tiết)**

1. **MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể

**1.Kiến thức:**

**-** Các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một tác phẩm truyện thơ hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát): kiểu bài, nội dung, hình thức.

- Cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện thơ hoặc một tác phẩm nghệ thuật: Bố cục (mở, thân, kết).

**2. Năng lực**

**2.1 Năng lực chung**

Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết của bạn.

**2.2 Năng lực đặc thù**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể.

- Viết được VB nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát); nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.

**3. Phẩm chất:**

- Góp phần bồi dưỡng năng lực cảm thụ tác phẩm văn chương/ âm nhạc thông qua việc viết cảm nhận về tác phẩm.

- Yêu thích và hứng thú với các hoạt động ứng dụng của môn Ngữ Văn.

**II. KIẾN THỨC**

**-** Các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một tác phẩm truyện thơ hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát): kiểu bài, nội dung, hình thức.

- Cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện thơ hoặc một tác phẩm nghệ thuật: Bố cục (mở, thân, kết).

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV

- PHT

- Âm nhạc (một số bài hát)

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (khởi động)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *- Cách 1: Trò chơi “BÀI HÁT TÔI YÊU”*  *Cho HS nghe một số đoạn nhạc và đoán tên bài hát*  *1. Nấu cho em ăn.*  *2. Để Mị nói cho mà nghe*  *3. Bài ca tôm cá*  *4. Đường đến vinh quang*  *5. Tết đong đầy*  *- Cách 2: Nhìn hình ảnh, đọc thơ đoán tên tác phẩm (liên quan đến truyện thơ)*  *1. Đầu lòng hai ả tố nga*  *Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân*  *2. Không lấy được nhau vào mùa hạ, ta sẽ lấy nhau vào mùa đông,*  *Không lấy được nhau thời trẻ, ta lấy nhau khi góa bụa về già.*  *3. Bỗng đâu thấy sự lạ đời*  *Trong tranh sao có bóng người bước ra*  Khi muốn nghị luận về nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm trên, ta sẽ làm như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS quan sát, suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, giới thiệu kiểu bài. | Gợi ý:  Cách 1  *1. Nấu cho em ăn.*  *2. Để Mị nói cho mà nghe*  *3. Bài ca tôm cá*  *4. Đường đến vinh quang*  *5. Tết đong đầy*  Cách 2:  1. Truyện Kiều  2. Tiễn dặn người yêu  3. Bích câu kì ngộ |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được những hiểu biết về kiểu bài văn nghị luận phân tích đánh giá một truyện thơ hoặc một bài hát.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS và PHT.

**c. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn Hs tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Đọc khung Tri thức về kiểu bài (SGK/75) và trả lời các câu hỏi sau:*  *+ Bài nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát) là kiểu bài như thế nào?*  *+ Bài nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát) cần đảm bảo những yêu cầu nào?*  *Bố cục của bài nghị luận gồm những phần nào?*  *+ Nêu những gì em chưa rõ về những điều trên (nếu có)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HT**  - HS đọc sách, suy nghĩ, trao đổi  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  **1. Kiểu bài:**  Nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát) là kiểu bài nghị luận dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài:**  - Về nội dung nghị luận: Nêu và nhận xét được một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện thơ/bài hát dựa trên những lí lẽ xác đáng và bằng chứng tiêu biểu, hợp lí được lấy từ tác phẩm.  - Về hình thức: Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài như:  + Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc.  + sử dụng các phương tiện liên kết văn bản  + Kết hợp các thao tác lập luận hợp lí.  **3. Bố cục:**  - Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận (tên truyện thơ/ bài hát, tác giả, khái quát nội dung chính của tác phẩm) hoặc nêu định hướng bài viết.  - Thân bài: Lần lượt trình bày các luận điểm để làm nổi bật những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật; đưa lí lẽ, bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  - Kết bài: Khẳng định ý kiến về giá trị của tác phẩm hoặc nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân người đọc/ người nghe. |

**2. Hoạt động 2: Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**a**. **Mục tiêu**: Nhận biết được các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.

**b. Sản phẩm:** Các câu trả lời của học sinh về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.

**c. Tổ chức hoạt động:**

* **Giao nhiệm vụ học tập:** GV trình chiếu ngữ liệu tham khảo theo từng đoạn và yêu cầu học sinh đọc thầm ngữ liệu tham khảo (SGK/ trang 75, 76, 77, 78), chú ý đến những phần được đánh số và khung chứa thông tin tương ứng. Sau đó, GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi (think – pair – share) để trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu văn bản. (SGK/ trang 76 – 78).
* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân học sinh đọc ngữ liệu tham khảo, theo dõi các khung chứa thông tin hướng dẫn. Sau đó, thảo luận nhóm đôi để tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu bài.
* **Báo cáo thảo luận:** Đại diện 2 -3 nhóm đôi HS trình bày câu trả lời trước lớp.
* **Kết luận nhận định**: GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS xác định các yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một truyện thơ/ bài hát: Chú trọng những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật theo định hướng sau:

**1,** Mở bài, thân bài và kết bài của ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài phân tích, đánh giá một truyện thơ/ bài hát vì:

- Mở bài giới thiệu được một truyện thơ/ bài hát cần phân tích, đánh giá (tên của tác phẩm, xuất xứ) và nêu lên định hướng của bài viết.

- Thân bài lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và ý nghĩa của những chủ đề ấy.

- Kết bài: Khẳng định lại giá trị của chủ đề và hình thức nghệ thuật.

2, Vấn đề nghị luận của bài viết là: Đối với ngữ liệu 1 là giá trị nội dung, nghệ thuật của truyện thơ Trê Cóc; Đối với ngữ liệu 2 là giá trị nội dung, ý nghĩa tư tưởng của bài hát “Bài ca hi vọng” của nhạc sĩ Văn Kí.

Với những vấn đề ấy, tác giả đã triển khai thành các luận điểm như sau

|  |  |
| --- | --- |
| **NGHỊ LUẬN VỀ TRUYỆN THƠ**  **“TRÊ CÓC”** | **NGHỊ LUẬN VỀ BÀI HÁT**  **“BÀI CA HI VỌNG”** |
| **Luận điểm 1:** Tóm tắt nội dung tác phẩm truyện thơ  **Luận điểm 2**: Phân tích nội dung, tư tưởng của tác giả dân gian gửi gắm trong tác phẩm.  **Luận điểm 3**: Phân tích hình thức nghệ thuật  **Luận điểm 4**: Khẳng định lại vấn đề | **Luận điểm 1:** Khái quát hoàn cảnh sáng tác và nội dung chủ yếu của bài hát  **Luận điểm 2:** Phân tích vẻ đẹp nội dung và ý nghĩa của bài hát thông qua một số câu từ, hình ảnh tiểu biểu nhất định.  **Luận điểm 3**: Giới thiệu những nghệ sĩ đã trình bày ca khúc  **Luận điểm 4:** Khái quát lại tầm ảnh hưởng của tác phẩm, thông qua đó khẳng định giá trị của nó. |

3,Mỗi luận điểm được làm sáng tỏ bằng những dẫn chứng trong chính tác phẩm. Liên hệ bằng ca dao tục ngữ (đối với truyện thơ), lời bài hát (đối với bài hát). Đây là những bằng chứng rõ ràng và thuyết phục.

4, Bài học rút ra về cách viết bài văn nghị luận về một truyện thơ hay bài hát: Về nội dung, nêu và nhận xét được một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện thơ/bài hát dựa trên những lí lẽ và bằng chứng xác đáng, tiêu biểu, hợp lí được lấy từ tác phẩm. Về hình thức: Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận như lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiên liên kết văn bản và kết hợp thao tác lập luận hợp lý.

**3. Hoạt động 3: Hoạt động hướng dẫn lí thuyết về quy trình viết**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát).

**b. Sản phẩm**: Bảng tóm tắt quy trình viết của HS (theo mẫu PHT số 1).

**c. Tổ chức hoạt động:**

**Giao nhiệm vụ học tập**: HS đọc phần Hướng dẫn quy trình viết (SGK/78) sau đó thảo luạn nhóm 4 – 6 HS và điền vào thông tin vào bảng theo mẫu sau:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy trình viết** | ***Thao tác cần làm*** | **Lưu ý** |
| *Bước 1: Chuẩn bị viết* | *Xác định mục đích viết và người đọc*  *.....................................................................* | ................................. |
| *Thu thập tư liệu*  *................................................................................* | ................................. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý* | *Tìm ý*  *.......................................................................* | ................................. |
| *Lập dàn ý*  *.......................................................................* | ................................. |
| *Bước 3:Viết bài* | *.......................................................................* | ................................. |
| *Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa* | *.......................................................................* | ................................. |

Thực hiện nhiệm vụ HT: Cá nhân học sinh đọc sách giáo khoa, thảo luận nhóm và hoàn thành.

Báo cáo, thảo luận: 1 -2 nhóm HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Kết luận, nhận định: GV đánh giá, nhận xét, kết luận dựa vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** |
| Bước 1: Chuẩn bị viết | ***Xác định tác phẩm viết (truyện thơ hoặc bài hát)***  Lựa chọn một truyện thơ/ hoặc bài hát theo gợi ý của SGK hoặc một tác phẩm em đã biết. | - Cần chọn truyện thơ hoặc bài hát mà bản thân thực sự yêu thích để có hứng thú.  - Nên chọn những tác phẩm mà HS thuận lợi trong việc thu thập tài liệu, tìm ý để chuẩn bị cho bài viết. |
| ***Thu thập tư liệu***  - Tìm các nguồn liên quan đến truyện thơ/ bài hát muốn phân tích, đánh giá theo gợi ý của SGK.  - Cần ghi chép trong quá trình đọc tài liệu để phục vụ cho việc dẫn chứng bài viết văn | - Nên chọn đọc tài liệu từ các nguồn có uy tín như bài nghiên cứu trên tạp chí, báo chính thống.  - Cần lưu nguồn các bài báo, trang web đã tham khảo để dẫn nguồn trong bài viết, tránh mắc lỗi đạo văn hoặc vi phạm luật sở hữu trí tuệ. |
| Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | ***Tìm ý***  Tìm ý trên cả hai phương diện  - Chủ đề, ý nghĩa tác phẩm.  - Những nét đặc sắc về hình thức và nghệ thuật của tác phẩm.  - Ý nghĩa của tác phẩm  - Những ảnh hưởng liên ngành/ nếu có. | Có thể thực hiện bằng việc trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa |
| ***Lập dàn ý***  Sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí. | - Tham khảo những lưu ý khi lập dàn ý phần thân bài trong SGK.  - Cần đảm bảo bổ cục ba phần của bài viết. |
| Bước 3: Viết bài | Từ dàn ý đã lập, viết bài văn hoàn chỉnh | - Cần làm sáng tỏ các luận điểm của bài viết.  - Diễn đạt mạch lạc, lựa chọn văn phong phù hợp với mục đích viết và người đọc. |
| Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa | Đọc lại bài viết, chỉnh sửa.  Ghi lại những kinh nghiệm rút ra khi viết bài nghị luận về một tác phẩm truyện thơ hoặc bài hát | Xem lại và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm trong SGK.  Có thể nhờ thầy cô, bạn đọc góp ý cho bài viết. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (TRUYỆN THƠ) VÀ MỘT BÀI HÁT**

**1. Hoạt động chuẩn bị viết**

1. **Mục tiêu hoạt động:**

**Học sinh vận dụng năng lực** ngôn ngữ để tạo lập văn bản nghị luận về về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát)

**b. Nội dung thực hiện**

HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo hai bước

* Tạo lập dàn ý theo hướng dẫn phiếu học tập
* Hoàn thành bài viết theo rubric chấm

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ:  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành hoàn thiện dàn ý  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Câu trả lời của HS. |

**\* Tìm ý, lập dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Bài viết của HS sẽ được đọc trong tiết  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV sẽ đánh giá sản phẩm bài viết của HS dựa vào bảng kiếm trong SGK trong tiết chia sẻ bài viết trên lớp (thực hiện sau khi cho học xem lại và chỉnh sửa rút kinh nghiệm). | Sơ đồ tìm ý của HS, dàn ý, bài viết. |

**2. Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV tổ chức buổi trình bày, chia sẻ   * 1. Hai HS trao đổi bài viết cho nhau, đọc và góp ý cho nhau (dựa vào bảng kiểm).   2. Cá nhân HS trình bày bài luận của mình   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ HT theo trình tự (1) và (2).  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Hs chia sẻ một số kinh nghiệm để gây ấn tượng cho bài luận; một số bí quyết để bài luận được đánh giá cao, …  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV đánh giá và nhận xét về khâu chuẩn bị bài ở nhà của HS, từ đó, đưa ra những lưu ý về kĩ năng tự chủ, tự học khi chuẩn bị bài viết ở nhà. | Bài viết của học sinh |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

Mở bài:………..

Thân bài:……….

Kết bài:…………

Luận điểm 1: ………

Luận điểm 2:………...

**3. Hoạt động rút kinh nghiệm**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh hoàn thiện bài viết hoàn chỉnh (Ở nhà hoặc tại lớp)

**b. Nội dung thực hiện:** HS hoàn thành bài viết và tự đối chiếu với rubric chấm trước khi nộp cho GV

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh nộp bài  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Bài viết đã được công bố của HS. |

Học sinh sử dụng bảng kiểm để tự kiểm tra lại bài viết của mình

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (TRUYỆN THƠ) HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (BÀI HÁT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG KIỂM TRA** | | **ĐẠT** | **CHƯA ĐẠT** |
| **Mở bài** | Giới thiệu tác phẩm văn học/ nghệ thuật (tên tác phẩm, tác giả, thể loại…) |  |  |
| Khái quát giá trị đặc sắc của tác phẩm |  |  |
| **Thân bài** | Trình bày tóm tắt nội dung của tác phẩm |  |  |
| Phân tích, đánh giá giá trị đặc sắc về nội dung của tác phẩm |  |  |
| Phân tích, đánh giá giá trị đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm |  |  |
| Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tác phẩm |  |  |
| **Kết bài** | Khẳng định lại một cách khái quát giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm |  |  |
| Nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân người đọc |  |  |
| **Kĩ năng, trình bày, diễn đạt** | Kết hợp các thao tác lập luận, lập luận chặt chẽ. Hệ thống luận điểm mạch lạc. |  |  |
| Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy từ tác phẩm |  |  |
| Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài |  |  |
|  | Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, bằng chứng lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết |  |  |

**4. Củng cố:** Nhắc lại kiến thức trọng tâm.

- GV chia lớp thành các nhóm (4-6 HS), mỗi nhóm 2 nhiệm vụ

***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:*** HS chia nhóm để thảo luận

***\* Báo cáo và thảo luận kết quả nhiệm vụ học tập:*** HS trình bày kết quả thảo luận

***\* Nhận xét, kết luận:*** GV nhận xét và định hướng ôn tập, ghi nhớ tri thức quan trọng.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

**GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA TRUYỆN THƠ**

**“PHẠM CÔNG CÚC HOA”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | Trong các truyện thơ Nôm Việt Nam, Phạm Công Cúc Hoa là tác phẩm mang đầy giá trị về đạo lý làm người và sự uyên thâm của văn hóa truyền thống. |
| **Thân bài** | **Tóm tắt:**  Phạm Công – Cúc Hoa kể về câu chuyện đôi vợ chồng ở phủ Quỳnh Vân, cầu con được Ngọc Hoàng thương tình phái tiên đồng xuống đầu thai làm con gái, chính là Phạm Công. Chàng lớn lên, thông minh, hiếu thảo, nhân nghĩa nên được con quan phủ Quỳnh Vân là Cúc Hoa đem lòng thương yêu, kết duyên vợ chồng. Khi Phạm Công đi thi, Cúc Hoa ở nhà chờ đợi, bị Tào Thị hãm hại. Trong lúc đó, Phạm Công đỗ trạng nguyên được vua gã công chúa nhưng chàng từ chối.Khi quay về biết tin vợ mất, chàng hết sức đau lòng, sau đó vì bị lừa dối nên đã gán nghĩa với Tào Thị, rồi phụng mệnh lên đường dẹp giặc. Tào Thị ở nhà đuổi Tiến Lực và Nghi Xuân ra khỏi nhà. Hai đứa bé bơ vơ đi tìm cha, khi gặp lại kể hết sự tình, Phạm Công xuống âm phủ tìm vợ, cả gia đình đoàn tụ.  **Đánh giá nội dung và nghệ thuật**  Phạm Công – Cúc Hoa” là thiên tình sử giữa chàng Phạm Công và nàng Cúc Hoa hiếu nghĩa vẹn toàn, câu chuyện của họ trải dài từ thiên thượng tới nhân gian, rồi xuống cả âm tào địa phủ. Vượt trên chuyện tình yêu đôi lứa thường tình, “Phạm Công – Cúc Hoa” là tuyệt tác văn chương có tác dụng khuyến thiện, trừng ác, làm sáng tỏ đạo lý “thiện ác hữu báo” mà cả Phật gia, Đạo gia và Nho gia đều giảng dạy. Cúc Hoa vốn là công chúa con Diêm Vương, Phạm Công vốn là thái tử con Ngọc Hoàng, họ đầu thai xuống trần gian để diễn dịch cho con người nội hàm của đạo hiếu, đạo phu thê, đạo làm người. Trải qua rất nhiều cực khổ, khảo nghiệm sống chết, Phạm Công đã thành tựu cốt cách của bậc chí nhân, chí nghĩa, chí thành. Đó phải chăng là con đường tu luyện, “phản bổn quy chân”, trở về thiên giới mà lịch sử đã lưu lại cho hậu thế?  Truyện thơ “Phạm Công – Cúc Hoa” như một tuyệt tác trong kho tàng văn học dân tộc với nội dung li kì, hấp dẫn, nghệ thuật tự sự dân gian được thể hiện đặc sắc qua thể thơ lục bát.Tác phẩm thể hiện bước tiến trong việc sáng tác của các tác giả dân gian ẩn danh đối với thể loại truyện thơ. |
| **Kết bài** | Truyện thơ “Phạm Công – Cúc Hoa” như một viên ngọc trong kho tàng văn hoá dân tộc với nội hàm mỹ hảo uyên thâm, bài viết ngắn ngủi với kiến giải cá nhân chỉ khám phá được một phần rất nhỏ. Hy vọng sớm tái ngộ cùng quý vị độc giả trong những bài viết khác, làm sáng tỏ thêm vẻ đẹp của thi phẩm tuyệt diệu này. |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Thu Hiền, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Trần Lê Hoa Tranh, Đinh Phan Cẩm Vân, Phan Thu Vân. *Ngữ văn 11*, Bộ sách Chân trời sáng tạo. Hồ Chí Minh: Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Thu Hiền, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Trần Lê Hoa Tranh, Đinh Phan Cẩm Vân, Phan Thu Vân, *SGV Ngữ văn 11*, Bộ sách Chân trời sáng tạo. Hồ Chí Minh: Giáo dục Việt Nam.

Ngày soạn: …/…./….

**BÀI 3: KHÁT KHAO ĐOÀN TỤ**

**PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE**

**Tiết ….: GIỚI THIỆU MỘT TRUYỆN THƠ HOẶC**

**MỘT BÀI HÁT THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

**-** Biết giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.

- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nhận xét được nội dung và cách thức thuyết trình, biết đặt câu hỏi những điểm cần làm rõ.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.

- Năng lực nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nhận xét được nội dung và cách thức thuyết trình, biết đặt câu hỏi những điểm cần làm rõ.

**3. về phẩm chất:** Tích cực và trách nhiệm trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**: Máy chiếu, micro, bảng, phấn/ bút lông…

**2. Học liệu**

- SGK; SGV; KHBD, tài liệu tham khảo

- Phiếu học tập, sơ đồ, bảng kiểm, Internet….

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
| **11…** |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:** không

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập liên quan đến nội dung bài học ***Giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.***

**b. Nội dung:** Gv nêu câu hỏi, HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS vận dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi:  - Kể tên một số truyện thơ/bài hát mà em yêu thích?  - Trong thực tế của cuộc sống, những tình huống nào chúng ta sẽ sử dụng kĩ năng giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ câu trả lời.  **B3. Báo cáo, thảo luận:**  1 – 2 HS trả lời câu hỏi; các HS khác lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS.  GV ghi nhận các câu trả lời của HS, hướng dẫn HS tổng hợp:  + Một số tác phẩm/bài hát  + Tình huống sử dụng kĩ giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân. | + Một số tác phẩm/bài hát: Lục Vân Tiên, Quan Âm Thị Kính, Em ơi Hà Nội Phố,Viếng lăng Bác…  + Tình huống sử dụng kĩ giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân như; Câu lạc bộ văn học, buổi thuyết trình về một tác phẩm văn học; buổi sinh hoạt ngoại khoá, buổi giao lưu, trả lời phỏng vấn,… |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các bước nói khi giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Cách 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK/tr80 và nêu các bước nói.  - Cách 2: HS thực hiện hoàn thành sơ đồ tóm tắt hoạt động chuẩn bị nói như sau.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cách 1: HS thảo luận nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ HT, đọc thông tin trong SGK trả lời hoặc hoàn thành sơ đồ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  GV mời 1 – 2 nhóm HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Xác định các bước nói**  **Bước 1: Chuẩn bị nói**  - Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe  • Đề tài: Giới thiệu một tác phẩm truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân.  • Mục đích nói: Giúp người nghe hiểu được lí do lựa chọn tác phẩm và cái hay, cái đẹp của tác phẩm.  • Đối tượng người nghe có thể là bạn học cùng lớp, thầy, cô giáo, thành viên trong câu lạc bộ…  - Tìm ý và lập dàn ý  + Tìm ý  Để tìm ý cho bài nói, bạn cần:  – Xác định tác phẩm của ai, ra đời năm nào, trong bối cảnh nào, thuộc thể loại hay loại hình nghệ thuật gì.  – Xác định thể loại của tác phẩm.  – Xác định nội dung của tác phẩm.  – Xác định những biện pháp nghệ thuật đặc sắc và tác dụng.  – Nhận xét, đánh giá về tác phẩm.  + Lập dàn ý: Dựa vào những ý đã tìm, có thể phác thảo dàn ý theo gợi ý *ở* *phụ lục 1*  **Luyện tập:**  Dựa vào gợi ý trên, bạn có thể luyện nói một mình hoặc với bạn bè.  **Bước 2: Trình bày bài nói**  Khi trình bày bài nói, hãy nhớ một số yêu cầu cơ bản sau:  • Nói từ tốn, tự tin, với âm lượng đủ nghe.  • Tương tác với người nghe.  • Sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách chừng mực để giúp cho bài  • Sử dụng các phương tiện hỗ trợ để giới thiệu được tác phẩm nghệ thuật một cách trực quan sinh động. nói thêm sinh động.  **Bước 3: Trao đổi, đánh giá**  - Trao đổi  • Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe.  • Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.  - Đánh giá: có thể dựa theo bảng kiểm bài 1 |

**\*Sơ đồ tóm tắt hoạt động nói**

***\* Phụ lục 1***

|  |  |
| --- | --- |
| **Truyện thơ** | **Bài hát** |
| Tác giả (nếu có), tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác | Tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác |
| Lí do lựa chọn tác phẩm | Lí do lựa chọn tác phẩm |
| Thể loại | Thể loại |
| – Tóm tắt nội dung, cốt truyện  – Giới thiệu nhân vật | Giới thiệu nội dung, phương thức thể hiện |
| - Nếu điểm nổi bật về nghệ thuật (kết cấu, hình ảnh, ngôn ngữ nghệ thuật...) | Nêu điểm nổi bật về nghệ thuật (tiết tấu, ca từ, hòa âm, nghệ thuật diễn xướng...) |
| Khái quát chủ đề, thông điệp | Khái quát chủ đề, thông điệp |
| Ý kiến đánh giá | Ý kiến đánh giá |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành được bài *Nói và nghe:*

**-** Biết giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.

- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nhận xét được nội dung và cách thức thuyết trình, biết đặt câu hỏi những điểm cần làm rõ.

**b. Nội dung:** HS thực hành nói và nghe.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài giới thiệu tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân của HS và sự đánh giá của cả lớp.Bảng kiểm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Trước tiên, luyện tập theo nhóm đôi để trình bày bài giới thiệu, từng HS trình bày bài nói của mình cho bạn nghe và góp ý dựa trên bảng kiểm đánh giá kĩ năng ở Bài 1 **Thông điệp từ thiên nhiên.** Sau đó, cá nhân HS trình bày bài nói của mình trước lớp.  - Khi nghe bài giới thiệu, đánh giá về một bài thơ hoặc bài hát theo sự lựa chọn cá nhân của bạn, ghi chép tóm tắt nội dung, ghi những câu hỏi muốn trao đổi với người nói.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS luyện tập, trình bày.(có thểquay lại video gửi cho GV)  Cá nhân HS thực hiện việc lắng nghe và ghi chép.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời lần lượt 2 HS lên trình bày bài nói trước lớp. Với mỗi HS lên trình bày, GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, trao đổi với bạn sau khi bạn trình bày xong.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm, khen ngợi cả lớp. | **II. Thực hành nói và nghe**  *Bài nói của HS chuẩn bị* |

***Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu một tác phẩm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở đầu | Chào hỏi và tự giới thiệu. |  |  |
| Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả. |  |  |
| Nêu lí do lựa chọn tác phẩm một cách thuyết phục, hấp dẫn. |  |  |
|  | Nhận xét khái quát về tác phẩm |  |  |
| **Nội dung chính** | Giới thiệu đặc điểm nội dung và hình thức cuả tác phẩm |  |  |
| Giới thiệu chủ đề, thông điệp của tác phẩm. |  |  |
| Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm/điều thích hoặc không thích về tác phẩm/tình cảm, cảm xúc khi đọc/xem/nghe tác phẩm. |  |  |
| Sắp xếp các ý hợp lí, logic |  |  |
| **Kết thúc** | Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm. |  |  |
| Khuyến khích người nghe thưởng thức tác phẩm. |  |  |
| Nêu vấn đề trao đổi hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe. |  |  |
| Cảm ơn và chào kết thúc. |  |  |
| **Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe** | Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, dễ hiểu |  |  |
| Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày. |  |  |
| Tương tác tích cực với người nghe trong quá trình nói |  |  |
| Phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  |  |

***Bảng kiểm khi nghe và trao đổi***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Chuẩn bị nghe** | Tìm hiểu thông tin về bài thuyết trình |  |  |
| **Trong khi nghe** | Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình |  |  |
| Ghi chép tóm tắt nội dung thuyết trình bằng các từ khóa, cụm từ, sơ đồ dàn bài |  |  |
| Đánh dấu những thông tin quan trọng. |  |  |
| Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung và cách thức thuyết trình. |  |  |
|  | Ghi lại những câu muốn trao đổi, tranh luận. |  |  |
| **Sau khi nghe** | Sử dụng kĩ thuật PMI để nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của bài thuyết trình về nội dung, cách thức thuyết trình. |  |  |
| Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi (biết chờ đến lượt mình, xác nhận quan điểm của người nói khi trao đổi, tôn trọng quan điểm người nói). |  |  |
| Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi |  |  |

**Bài nói tham khảo: Giới thiệu bài hát “Em ơi, Hà Nội phố”**

*Xin chào thầy cô và các bạn, tôi là ….. học sinh lớp….. trường…..*

*Chắc hẳn mỗi chúng ta ai cũng đã từng được lắng nghe ca khúc “Em ơi, Hà Nội phố” (thơ Phan Vũ, nhạc Phú Quang). Bài hát ấy thực sự là hoài niệm níu chân kẻ si tình.*

*Ca khúc phổ thơ Phan Vũ gợi cảm giác bâng khuâng, nhớ nhung về thủ đô lãng mạn nhưng cũng đầy buồn thương.*

*Bài hát do Phú Quang phổ nhạc năm 1986, dựa lời thơ Phan Vũ. Nhạc sĩ kể khi vào Sài Gòn sống được nửa năm, ông nhớ Hà Nội. Trong buổi trà chiều, Phan Vũ đọc cho ông nghe bài thơ Em ơi, Hà Nội phố - trường ca dài 443 câu thơ, chia làm 24 khổ. Nghe xong, Phú Quang xúc động và nói với Phan Vũ chắc chắn có một bài hát hay.*

*“Vẫn biết một bài ca có đáng là bao để trả món nợ ra đi, nhưng khi bài ca được viết ra, tôi đã giải thoát dù chỉ phần nào. Và dẫu chỉ là ít ỏi thì tôi cũng đã xây dựng được chút gì cho kỷ niệm về Hà Nội, nơi chứng kiến bao buồn vui của tôi trong suốt nửa cuộc đời”, nhạc sĩ bộc bạch. Ông đã chọn 21 câu thơ trong sáng tác của Phan Vũ, kết hợp cảm xúc của mình làm nên Em ơi, Hà Nội phố.*

*Những câu thơ Phú Quang chọn phổ nhạc gắn với hình ảnh đặc trưng của Hà Nội mà hễ mở lời, dễ dẫn dụ người nghe đồng cảm. Phú Quang rời Hà Nội năm 37 tuổi để tìm điều mới lạ cũng như muốn giã từ vài thứ phiền muộn. Ở Sài Gòn được ba tháng, ông khao khát trở về. Thế nhưng, phải 25 năm sau, ông mới quay lại Hà Nội. “Hà Nội có thể không sang trọng bằng khách sạn nào đó, không hoành tráng như thủ đô nào đó. Tôi yêu Hà Nội, tình yêu cực đoan đến nỗi khi nhìn chiếc lá, trong phút ngông cuồng tôi đã nghĩ lá ở Hà Nội xanh hơn nơi khác”, Phú Quang thú nhận.*

*Em ơi Hà Nội phố*

*Ta còn em mùi hoàng lan*

*Ta còn em mùi hoa sữa*

*Con đường vắng rì rào cơn mưa nhỏ*

*Ai đó chờ ai tóc xõa vai mềm*

*Lời ca đầy dịu dàng mở ra thứ cảm xúc lãng mạn, tình tứ. Nhân vật chính là “em” - Hà Nội - được gọi thân mật. Hà Nội tựa như người tình, bạn tri kỷ níu chân Phú Quang. Hà Nội mơ màng và mong manh, thanh lịch. Hoàng lan, hoa sữa tồn tại như thực thể có hồn, phảng phất mùi hương rồi ăn sâu vào tiềm thức. Lối đi xưa bảng lảng bóng một người con gái.*

*Ta còn em cây bàng mồ côi mùa đông*

*Ta còn em nóc phố mồ côi mùa đông*

*Mảnh trăng mồ côi mùa đông*

*Mùa đông năm ấy tiếng dương cầm trong căn nhà đổ*

*Tan lễ chiều sao còn vọng tiếng chuông ngân*

*Mùa đông năm 1972, Hà Nội tang tóc bởi trận dội bom của quân đội Mỹ. Nỗi mất mát đóng hình trong Em ơi, Hà Nội phố. Con chữ mộc mạc khắc sâu cảnh phố xá trơ trụi, ký ức đau thương. Hà Nội thêm cô đơn, trống vắng giữa trời đông rét buốt. Sự sống thưa thớt, bám trụ trên nền đất hoang tàn. Tiếng dương cầm như mới dứt, gây thổn thức khôn cùng. Hình ảnh chuyển hóa từ kỷ niệm của nhà thơ Phan Vũ với cô gái tên Trịnh Thị Nhàn - người ông thầm thương. Nhà Nhàn ở phố Chân Cầm. Phan Vũ si mê khúc dương cầm réo rắt và dành sự cảm mến cho cô.*

*Em ơi, Hà Nội phố không chỉ là lời thủ thỉ tự tình mà ẩn sâu nỗi xót xa. Phan Vũ chia sẻ: Cụm từ “ta còn em” trong từng đoạn là những hoài niệm yêu thương của tôi về Hà Nội mà đôi lần khi cần nương tựa, an ủi, tôi lại tìm về".*

*Ta còn em một màu xanh thời gian*

*Một chiều phai tóc em bay*

*Chợt nhòa chợt hiện*

*Người nghệ sĩ lang thang hoài trên phố*

*Bỗng thấy mình chẳng nhớ nổi một con đường*

*Ta còn em hàng phố cũ rêu phong*

*Và từng mái ngói xô nghiêng*

*Nao nao kỷ niệm*

*Chiều Hồ Tây lao xao hoài con sóng*

*Chợt hoàng hôn về tự bao giờ*

*Vẫn còn đó Hà Nội của những hoài bão, ước mơ và hy vọng. Thế nhưng, nghệ sĩ chẳng thể trốn tránh nỗi đơn côi, phút chạnh lòng. Hình ảnh thiếu nữ ẩn hiện trong Em ơi Hà Nội phố, không rõ bóng hình, không dòng địa chỉ. Họ chợt hiện rồi chợt tan tạo cảm giác mộng mị, đủ khiến kẻ si tình vấn vương, quyến luyến. Độc bước trên con phố dài không dấu chân, kẻ sĩ hoài nhớ dãy nhà cổ tịch mịch, vẻ trầm mặc của 36 phố phường, ánh hoàng hôn buông trên sóng nước Hồ Tây.*

*“Em ơi, Hà Nội phố” hòa trộn giữa văn chương và hội họa. Ngôn từ chất đầy những hình khối, màu sắc tựa bức tranh. Những đường cọ chỉ chấm phá đôi nét mờ nhòa, tạo không gian lắng đọng cho người thưởng thức. “Em ơi, Hà Nội” phố đồng điệu cảm xúc của cặp nghệ sĩ Phan Vũ - Phú Quang, thể hiện tình yêu mãnh liệt và chân thành.*

*Phan Vũ viết “Em ơi, Hà Nội phố” trong căn gác số 4 Hàng Bún ngay sau trận trút bom. Hiện nay, tuổi ngoài 90, ông khao khát một lần trở lại Hà Nội, nơi có hương hoàng lan, hoa sữa và kỷ niệm về phụ nữ đẹp. Còn Phú Quang: “mỗi khi lòng xác xơ, tôi vội vã trở về”.*

*Trên đây là những lời giới thiệu về bài hát “Em ơi, Hà Nội phố”. Cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý lắng nghe. Mong được sự góp ý của các bạn.*

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học và kĩ năng nói, nghe để giới thiệu một truyện thơ/bài hát với bạn bè, người thân.

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học và kĩ năng nói, nghe để nói với bạn bè, người thân.

**c. Sản phẩm:** Phần giới thiệu của HS với bạn bè, người thân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS về nhà thực hành nói và nghe với người thân.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, về nhà thực hiện.

**B3. Báo cáo thảo luận:** GV cho HS nêu những câu hỏi còn thắc mắc.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá buổi học.

**4. Củng cố:** HS ghi nhớ kiến thức đã học, thực hành vận dụng thêm cho nhiều tác phẩm khác.

**5. HDVN:** GV dặn dò HS

+ Ôn tập lại các văn bản và kiến thức đã học ở *Bài 3. Khát khao đoàn tụ*

+ Soạn trước bài *Ôn tập*.

**Tiết…: ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**2. Năng lực.**

- HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong *bài 3 Khát khao đoàn tụ* để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong tiết ôn tập.

- Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

- Báo cáo kết quả thực hiện phần Đọc mở rộng theo thể loại.

- Thực hành : Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật .

- Biết giới thiệu một truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân.

**3. Phẩm chất**

Biết trân trọng khát khao đoàn tụ

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Bảng, phấn/viết lông

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, video tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi.

# **III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung *bài 3 Khát khao đoàn tụ.*

**b. Sản phẩm**

Nhận thức và thái độ học tập của HS.

# **c. Tổ chức thực hiện**

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV chơi trò chơi ***Ai nhanh hơn*** *e*m hãy kể tên các văn bản đã học ở *bài 3 Khát khao đoàn tụ*

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS nghe và trả lời

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

HS trình bày sản phẩm thảo luận.

GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét, đánh giá: Những văn bản đã học ở *bài 3 Khát khao đoàn tụ: Lời tiễn dặn, Tú Uyên gặp Giáng Kiều, Người ngồi đợi trước hiên nhà.*

GV dẫn dắt: Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn tập các văn bản và các kiến thức tiếng Việt đã được học trong *bài 3 Khát khao đoàn tụ*

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH ÔN TẬP

**1. Hoạt động ôn tập về đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học để trả lời các câu hỏi ôn tập về đọc trong SGK/tr.82.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về các bài tập đã thực hiện ở nhà.

**c. Tổ chức thực hiện:**

***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, 2 trong SGK/tr.82 (ở nhà).

***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ vào vở cá nhân.

***\* Báo cáo, thảo luận:*** Mời 2-3 HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. HS khác quan sát, bổ sung, góp ý (nếu có).

***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và hướng dẫn HS theo định hướng tham khảo sau.

***Câu 1 (SGK/tr.82)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Lời tiễn dặn | Tú Uyên gặp Giáng Kiều | Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu |
| Cốt truyện | + Yêu nhau tha thiết;  + Tình yêu tan vỡ, đau khổ;  + Vượt qua, thoát khỏi cảnh ngộ, chết cùng nhau hoặc sống bên nhau hạnh phúc | [Người đẹp trong tranh](https://thegioicotich.vn/nguoi-dep-trong-tranh/) là câu chuyện dân gian Việt Nam, kể về sự tích Tú Uyên – Giáng Kiều kết duyên chồng vợ, sau đó cả hai cùng cưỡi hạc bay về trời. | Thiện Sĩ ngồi đọc sách thì thiu thiu ngủ, Thị Kính ngồi khâu bên cạnh nhìn thấy chồng có chiếc râu mọc ngược thì lấy dao khâu định xén đi. Thiện Sĩ chợt tỉnh thì hô toáng lên. Rồi mặc cho Thị Kính hết lời van xin, Sùng ông, Sùng Bà đánh đuổi Thị Kính về nhà Mãng ông. Sau khi làm cho hai bố con Mãng ông nhục nhã, khổ sở hai vợ chồng nhà Sùng bỏ vào nhà mặc cho hai bố con ôm nhau khóc rồi đưa nhau về. |
| Nhân vật | Nhân vật Anh yêu và Em yêu từ khi còn là hai bào thai | Tú Uyên và Giáng Kiều | Thiện Sĩ, Thị Kính, Sùng ông, Sùng bà, Mãng ông.   Nhân vật chính thể hiện xung đột là Sùng bà và Thị Kính. |
| Người kể chuyện | Tác giả thay lời nhân vật trong cuộc kể lại câu chuyện tình yêu | Tác giả | Tác giả |
| Ngôn ngữ | Ngôn ngữ xưng hô trong dân ca Thái, gần gũi, quen thuộc | Câu chuyện được viết bằng ngôn ngữ dân gian, gần gũi thân thuộc | Lời hát, lời văn mang đậm màu sắc dân gian |
| Nhận xét chung | Cả ba văn bản đều được thể hiện và gắn liền với ngôn ngữ dân gian, dễ gần và thân thuộc với con người Việt Nam | | |

***Câu 2 (SGK/tr.82)***

Lời của các nhân vật từ câu " Bữa sau sự phụ mới hay" đến câu " Mệnh người dám lấy làm chơi mà liều" (trích Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu) có mang đặc điểm của ngôn ngữ nói. Dựa vào lời văn và việc sử dụng ngôn ngữ như ru thì, phù đồ mang đậm ngôn ngữ fana gian. Ngoài ra từ : Như thế thì...... chơi mà liều" là lời nói của sư phụ được chuyển thành câu thơ do đó mà lời của các nhân vật mang đặc điểm của ngôn ngữ nói.

**2. Hoạt động ôn tập viết, nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học để trả lời các câu hỏi ôn tập về viết, nói và nghe trong SGK/tr.82.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về các bài tập đã thực hiện ở nhà.

**c. Tổ chức thực hiện:**

***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3,4,5 trong SGK/tr.82 (ở nhà).

***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ vào vở cá nhân.

***\* Báo cáo, thảo luận:*** Mời 2-3 HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. HS khác quan sát, bổ sung, góp ý (nếu có).

***\* Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét và hướng dẫn HS theo định hướng tham khảo sau.

***Câu 3 (SGK/tr.82)***

Khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học ( truyện thơ) hoặc tác phẩm nghệ thuật( bài hát), bạn cần lưu ý:

* Kết hợp các thao tác lập luận, lập luận chặt chẽ, hệ thống luận điểm mạch lạc.
* Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm
* Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.
* Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.

***Câu 4 (SGK/tr.82)***

Khi giới thiệu một truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân cần chú ý:

* Xác định được tác phẩm mà mình định nói là của ai, ra đời năm nào, trong bối cảnh nào, thuộc thể loại nào hay loại hình nghệ thuật gì.
* Xác định được thể loại của tác phẩm
* Xác định nội dung của tác phẩm
* Xác định những biện pháp nghệ thuật đặc sắc và tác dụng

***Câu 5 (SGK/tr.82)***

Trong hoàn cảnh xa cách, con người trở nên biết trân trọng những khoảnh khắc gần nhau, mới biết được niềm vui của đoàn tụ mà chỉ khi mất đi con người mới nhận ra được. Nhưng trong sự đau khổ ấy con người lại hiện lên những vẻ đẹp, phẩm chất đáng quý về sự khát khao đoàn tụ, về sự thủy chung một lòng.

**HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *bài 3 Khát khao đoàn tụ*

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong *bài 3 Khát khao đoàn tụ* và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở *bài 3 Khát khao đoàn tụ*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở *bài 3 Khát khao đoàn tụ*

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt: *Bài 3 chúng ta đã học, đọc về các văn bản nghị luận Khát khao đoàn tụ: Lời tiễn dặn, Tú Uyên gặp Giáng Kiều, Người ngồi đợi trước hiên nhà về.* Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói. Báo cáo kết quả thực hiện phần Đọc mở rộng theo thể loại. Thực hành : Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật Biết giới thiệu một truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân.